

## A. Cảm nhận

*Ai về xứ sở miền Đông  
Đều nghe danh tiếng của ông Hai Cà  
(Nguyễn Quốc Hoàn)*

Đi qua hai cuộc kháng chiến vệ quốc vĩ đại của dân tộc, Đồng Nai trở thành chiến trường với những mặt trận ác liệt đã đi vào sử sách, như: Chiến khu Đ, Đặc khu Rừng Sác, Căn cứ Rừng Lá, Mặt trận Long Khánh - Xuân Lộc... Góp phần làm nên thắng lợi của 2 cuộc chiến vĩ đại ấy, nhân dân Đồng Nai đã ghi danh những vị chỉ huy tài ba thao lược, kiên trung ái quốc đã sáng tạo nên những kỹ thuật đánh địch hiệu quả, từng làm nức lòng nhân dân cả nước góp phần đánh thắng những kẻ thù hùng mạnh nhất.

Năm 1946, cách mạng tháng Tám thành công chưa được bao lâu thì thực dân Pháp quay lại đánh chiếm Sài Gòn và từng bước mở rộng chiến tranh. Ngày 18 – 12 – 1946, trước tình hình nguy cấp của đất nước, Ban chấp hành Trung ương Đảng phát động cả nước đứng lên chống thực dân Pháp xâm lược. Hai ngày sau, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến. Đáp lời kêu gọi cứu nước thiêng liêng ấy, quân và dân Đồng Nai cũng nhất tề đứng dậy, cùng quân dân cả nước bước vào cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc. Như một lẽ tất yếu, trước gót giày ngoại bang giày xéo, tàn phá quê hương, ở một vùng quê thanh bình nằm trên sông Đồng Nai hiền hoà, anh nông dân hai lúa tên Trần Văn Kìa đã quyết định “giã từ búi tóc”, đốt nhà đi kháng chiến.

Là thế hệ sinh ra khi đất nước đã lặng im tiếng súng, những thế hệ chúng tôi chỉ biết hiểu và cảm nhận lịch sử qua những trang sách, cuộc đời của những người đi trước được ghi chép lại. “*Quốc gia lâm nguy, thất phu hữu trách*”, lịch sử dựng nước và giữ nước trải qua mấy nghìn năm đã có biết bao anh hùng áo vải “phất cờ lau” như Đinh Bộ Lĩnh, Quang Trung Nguyễn Huệ, Hoàng Hoa Thám... cùng những cách đánh giặc đã trở thành huyền thoại như: vớt chông cắm xuống lòng sông làm đắm tan tành thuyền giặc của Ngô Quyền, sử dụng tài bơi lội của tướng Yết Kiêu, súng thần công cuối thời Trần...

Và như một lẽ tất yếu dĩ ngẫu, khi Tổ quốc cần, mỗi người đều sẵn sàng lên tiếng, anh nông dân Nam bộ Hai Kìa cũng đã sẵn sàng làm điều thiêng liêng ấy khi đất nước gọi tên mình. Nhưng cái làm nên phi thường ở những con người rất đời bình thường, bình thường đến chân chất ấy là sự mưu trí, dũng cảm, sáng tạo tuyệt vời, là hi sinh quên mình vì độc lập tự do của dân tộc. Vì vậy, khi quyết định viết về ông cho bài thi văn hoá – lịch sử năm 2014, trong tôi dẫn đo liệu có nên tách bạch cảm xúc bản thân với những điều bình dị - phi thường ấy về ông hay sẽ để

cảm xúc thăng hoa đi cùng. Thế hệ chúng tôi khâm phục cha ông đi trước chính ở những điều hết sức giản dị bình thường ấy, khi đất nước gọi tên mình, đi bất cứ đâu, làm bất cứ việc gì cũng đều vì mục đích chung, vì độc lập dân tộc mà không từ bản thân, hi sinh thân mình mà không hề vụ lợi.

## **I. Đại tá Trần Công An: một con người mưu trí, dũng cảm**

Càng tìm hiểu về ông, tôi càng khâm phục hình ảnh những người nông dân chân chất, hiền lành, dễ thương quá đỗi trong cuộc sống đời thường song lại sẵn sàng hi sinh vì Tổ quốc mà chẳng màng thiệt hơn. Cuộc đời “ông tổ đặc công” Hai Kìa là câu chuyện tiêu biểu của những người nông dân Việt Nam. Trong hòa bình thì hiền hoà, chăm chỉ, siêng năng làm ăn; nhưng khi đất nước lâm nguy thì họ sẵn sàng đứng dậy, cầm súng đánh giặc. Ông Hai Kìa nói rằng đời ông có 3 bước ngoặt lớn: bước ngoặt thứ nhất là khi quê hương bị giặc Pháp giày xéo. Ông sẵn sàng đốt nhà, đi kháng chiến. Bước ngoặt thứ hai là ông sáng tạo ra cách đánh công đồn bí mật, đặc biệt; đang giết giặc “ngon lành” thì ông lại được phân công nhiệm vụ mới lùi về phía sau hậu phương tham gia công tác sản xuất. Bước ngoặt thứ ba là lúc tài năng đánh giặc của ông lại được sử dụng trực tiếp trên chiến trường đánh Mỹ. Nhưng ở bất kỳ công việc nào, ông cũng thấy vẻ vang và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao phó.



*Trượng đồng Đại tá Trần Công An tại gia đình*

Sinh ra ở làng quê thanh bình trên đất Nam bộ, là con duy nhất trong gia đình nên theo phong tục người Nam, họ gọi ông là Hai Kia. Sau ngày đi kháng chiến, ra bắc học tập rồi trở về nam chiến đấu, ông mới lấy bí danh tên gọi Hai Cà. Riêng gắn với cái tên Trần Công An của ông, cũng là cả câu chuyện đầy thú vị. Nói đến ông, đồng đội, đồng chí đều nghiêng mình kính cẩn. Họ tự hào vì có ông là đồng chí, đồng đội cùng sát cánh chiến đấu bên mình. Hơn 2/3 cuộc đời cùng tuổi thanh xuân ông cống hiến cho sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc. Cuộc đời ông đi suốt chiều dài lịch sử 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ của quân, dân Đồng Nai, Biên Hoà.

Ông Nguyễn Văn Thông, bạn chiến đấu thân thiết của ông đã từng thốt lên:

*“Biên Hoà nhớ mãi Trần Công An  
Cha để đặc công thật mới ngoan  
Lấy ít đánh nhiều mà vẫn thắng  
Một lòng theo Bác - giữ giang san  
Thủy chung với Đảng – vì giai cấp  
Nói gót cha ông chống ngoại bang”*

Còn nguyên cán bộ Đoàn đặc công 113 Nguyễn Quốc Hoàn thì cho rằng

*Ai về xứ sở miền Đông  
Đều nghe danh tiếng của ông Hai Cà  
....  
Anh hùng đánh giặc đa tài  
Công đức to lớn mấy ai sánh cùng”*

Đồng đội, đồng chí khâm phục ông trước sự mưu trí, dũng cảm trong chiến đấu với kẻ thù. Cán bộ, chiến sỹ tham gia đánh địch mà biết có ông trực tiếp tham gia là yên tâm chắc thắng, cựu chiến binh Nguyễn Hữu Nghĩa (Ba Nghĩa), nguyên cán bộ phong trào của đội biệt động thị xã Biên Hoà hiện đang sinh sống tại Trảng Dài bùi ngùi cho biết. Cựu chiến binh (CCB) Ba Nghĩa cho hay, dù chỉ cùng tham gia chiến đấu trong thời gian ngắn ngủi 2 năm (1967 - 1968) trong đội biệt động Biên Hoà nhưng ông luôn kính phục người cán bộ, chỉ huy Hai Cà vì tinh thần trung thực, ngay thẳng trong cuộc sống, công việc. Theo CCB Ba Nghĩa, “ông Cà rất nghiêm khắc trong công việc, ông nói là làm đến đâu ra đó. Trong mỗi trận đánh, để đảm bảo chắc thắng của yếu tố bất ngờ, ông đã phân công ai đi điều nghiên trận địa thì phải tuyệt đối nghiêm túc thực hiện, báo cáo không trung thực là ông biết ngay. Lí do là vì ông đã từng trực tiếp chiến đấu nên Biên Hoà ông nắm trong lòng bàn tay từng vị trí”. Dù nghiêm khắc nhưng cán bộ, chiến sỹ lại hết sức

yêu mến tài năng, đức độ của Đại tá Hai Cà. Nơi nào nguy hiểm, Đại tá sẵn sàng nhận nhiệm vụ thay mọi người. “Trong sinh hoạt đời thường, anh em chúng tôi rất thích nói chuyện với ông Hai Cà vì ông ấy có nhiều thông tin của địch rất thú vị”, chú Ba Nghĩa bộc bạch cùng tôi. Nghiêm khắc là vậy nhưng sau mỗi trận đánh, Đại tá Hai Cà lại trở về với đúng bản chất chân thật của anh nông dân Nam bộ, bình dị, gần gũi, quan tâm đời sống đồng chí, đồng đội.



*Cựu chiến binh Nguyễn Hữu Nghĩa: Tôi khâm phục ông Hai Cà ở tính ngay thẳng, trung thực, gan dạ và mưu trí*

Trong trí nhớ của CCB Ba Nghĩa về người đồng đội đồng thời cũng là chỉ huy của mình thì “ông Cà gan dạ, dũng cảm và đặc biệt là thái độ bình tĩnh tuyệt vời khi xử lý vấn đề dù trong tình huống cam go nhất. Trong mọi tình huống chiến đấu, ông bình tĩnh đến lạ thường”. Điều đó thể hiện trong lần đầu tiên ông đánh thạp canh cầu Bà Kiên, hay trên đường công tác gặp phục kích, ông vẫn bình tĩnh xử lý tình huống hết sức gan dạ. Với CCB Ba Nghĩa là kỷ niệm khi tổ chức điều nghiên và đánh sân bay Biên Hoà. Dù địch bố trí chống cự quyết liệt thì ông Hai vẫn bình tĩnh châm thuốc hút rồi đưa ra quyết định đánh mà không hề nao núng.

#### **\* Quân tử vì nước quên thân**

Tham gia kháng chiến với hành trang duy nhất bên mình là tình yêu nước nồng nàn cùng lòng căm thù giặc sâu sắc, ông đã dâng hiến tất cả những gì mình có cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc mà không hề đắn đo, vụ lợi và ông coi đó như là lẽ thường tình của một bậc trượng phu lúc quê hương, sơn hà nguy biến. Tham gia đánh Tây, về đốt nhà đi kháng chiến. Rồi ông biệt lập không tin tức với gia đình cho đến khi ra Bắc học tập lần thứ nhất, ông mới gặp vợ và nói với vợ rằng có thể đi lấy chồng khác vì ông còn phải đấu tranh cho dân tộc chưa biết đến ngày thắng lợi. Chỉ kịp dặn dò vợ tuyệt đối không được để con đi theo Tây,

“không thì ông biết ông giết” rồi ông lại biện biệt không tin tức. Mãi đến khi gặp lại thì con gái của ông đã 20 tuổi mới biết mặt cha.

Cả nhà ông lại cùng tham gia kháng chiến. Vợ ông tham gia Đoàn Hậu cần U.81; cô con gái Trần Thị Dính tham gia lực lượng quân y tiền tuyến ở vùng căn cứ kháng chiến; còn 3 người con trai (Trần Văn Cao, Trần Văn Khía, Trần Văn Mum) đều tham gia lực lượng biệt động Biên Hoà trong đó có 1 người đã hy sinh, 1 người là thương binh nặng.



*Cô Tư – Trần Thị Dính bên tượng cha*

Trên chiến trường Biên Hoà ác liệt, có lúc ông Hai Cà là Tỉnh đội trưởng, đứng đầu lực lượng vũ trang Biên Hoà nhưng không vì tình thân cốt nhục mà ông “dễ dàng” khi giao nhiệm vụ cho con trai mình. Ông Trần Văn Cao, con trai Đại tá Hai Cà nhớ lại, trong lần đánh sân bay Biên Hoà thứ 2, ông Trần Văn Cao là tổ trưởng tổ điều nghiên trận địa, Khi tìm nhập sân bay thì ông dính mìn vào chân phải. Thông tin báo về, trong vai trò chỉ huy trận đánh nhưng “quân lệnh như sơn”, ông Hai Cà vẫn kiên quyết buộc ông Cao phải tiếp tục bò sâu vào bên trọng mục tiêu để nắm chắc tình hình về báo cáo. Ông Cao cho biết, “Cha tôi nghiêm lắm, không vì tình thân mà để con mình làm việc dễ. Thậm chí chỗ nào nguy hiểm nhất, ông phái con mình đi”.

Trong chiến tranh là vậy, đến khi về già, đất nước hoà bình, ông lại giáo dục con cháu phải sống liêm khiết, trung thực. Cả đời cống hiến cho Tổ quốc nhưng đến khi về hưu ông Hai Cà sẵn sàng vác cuốc ra đồng, hăng say tăng gia sản xuất, trở thành nông dân sản xuất giỏi. Cho đến lúc nhắm mắt xuôi tay, căn nhà nơi ông sinh sống cũng là căn nhà tình nghĩa mà lãnh đạo tỉnh Đồng Nai xây tặng, tri ân những đóng góp của ông cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc của Tổ quốc. Có thể nói, với ông hành trang đong đầy và duy nhất mà ông có chính là tình yêu nước thiêng liêng luôn luôn cháy bỏng trong tim mình. Kết tinh của tình yêu nước thiêng liêng ấy chính là cách đánh đặc biệt, bí mật, bất ngờ nhưng cũng hết sức sáng tạo ấy là cách đánh đặc công – cách đánh có 1 không 2 như ông đã từng hồn hậu chia sẻ “Ai cũng hỏi làm sao tui nghĩ ra được lối đánh đặc công. Tui chỉ vào tim mình và trả lời nếu có lòng căm thù và ý chí quyết thắng thì sẽ có cách đánh thôi”.



## II. Ông tổ kỹ thuật đánh đặc công

Sinh ngày 20 – 12 – 1920, nơi chôn nhau cắt rốn của ông Trần Văn Kìa – bí danh Hai Cà, tức Đại tá Trần Công An là ấp Nhì, làng Nhứt Thạnh, Cù Lao Rùa (trước thuộc tổng Chánh Mỹ Trung, quận Tân Uyên, tỉnh Biên Hòa, sau ngày giải phóng thuộc huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương). Nơi được ông ví giống chú rùa đang bơi ngược giữa dòng sông Đồng Nai trong xanh hiền hòa quanh năm chảy. Cù Lao Rùa cũng là vùng đất mà người tiền sử Đồng Nai – những bậc tiền hiền khai khẩn đã đến sinh sống từ thời kỳ đá mới [Hồi kí Đại tá Trần Công An, tr.2 ]. Trong kí ức của mình, ông Hai Cà kể rằng từ ngày ông khôn lớn bắt đầu có sự hiểu biết thì phần lớn đất đai trong làng đã được khai khẩn thành ruộng vườn, dân cư sinh sống đông đúc. Trong làng vẫn còn những vạt rừng sao, dầu có thân cao vút vài chục mét, vài ba người ôm mới xuể. Thế nhưng sau Hiệp định Giơnevơ, địch chặt hết cây to, xóa sổ vạt rừng cổ thụ.

### II.1 Tuổi thơ dữ dội

Sinh ra từ một làng quê mà trong mỗi người dân luôn chất chứa tình yêu nước nồng nàn, có thể nói, lòng yêu nước, ý chí căm thù giặc trong ông đã được hun đúc từ những ngày còn thơ bé. Làng Nhứt Thạnh có ngôi đình cổ, truyền lại rằng được xây dựng từ thời Minh Mạng, Tự Đức nhưng khi kháng chiến chống Pháp nổ ra, thực hiện chủ trương tiêu thổ kháng chiến của Đảng và Nhà nước, dân làng đã chủ động phá dỡ để giặc không lợi dụng đóng đồn. Đình chỉ được làm lại vì làm nơi sinh hoạt văn hóa, tổ chức vui chơi dịp lễ tết của dân làng khi Pháp thua ở Điện Biên Phủ năm 1954.



*Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Đại tá Trần Công An (1920 - 2008)*

Vùng Tân Triều cũng là nơi khởi phát, nuôi dưỡng những phong trào đấu tranh cách mạng những ngày đầu kháng chiến trên đất Đồng Nai - là cái nôi của phong trào cách mạng Biên Hòa. Năm 1935, chi bộ Đảng Cộng sản Bình Phước - Tân Triều đầu tiên của Biên Hòa được thành lập tại đây, trở thành hạt nhân lãnh đạo phong trào đấu tranh của chiến trường Biên Hòa trong cuộc kháng chiến chống kẻ thù xâm lược.

Bên cạnh đó, người dân trên quê hương ông mang đậm tính hồn hậu, chất phác. Trước cách mạng tháng Tám 1945, nông dân quê ông chủ yếu thuộc thành phần bần nông. Người dân quanh năm bán mặt cho đất, bán lưng cho trời với nghề làm ruộng, trồng mía, lúa, bưởi... Sản phẩm đường mía Thạnh Hội quê ông đã nức tiếng từ những năm đầu thế kỷ 20. Đặc biệt, làng ông “không có cường hào ác bá như ở nơi khác. Hương, chức hội, tề đều có họ hàng thân thuộc dây mơ rễ má cả. Tuy nhiên, những bất công xã hội vẫn tồn tại như những đọt sống ngầm chỉ chờ cơ hội thuận là bùng phát”, ông kể. Không cường hào ác bá nhưng người dân vẫn phải gồng gánh đủ thứ thuế trong đó có thuế thân. Nam thanh niên trưởng thành phải đóng thuế thân 4 – 7 đồng/người, tùy trường hợp. Vì vậy, dân đình làm được bao nhiêu mang đi đóng thuế hết cho cường quyền. Không đủ tiền đóng thuế thân, hương hào, hương quản bắt ra giữa làng đóng trăn (cùm chân). Mẹ ông cũng từng bị đóng trăn, từng bị xem là dân "trón râu lậu thuế". Điều đó lí giải vì sao đại bộ phận dân quê ông sau này đều nhất lòng đi theo cách mạng.

Cù Lao Rùa xưa có vài dòng họ lớn thì “họ Trần của tôi là một trong các kiếng họ”, ông Hai Cà cho biết như vậy. Cha ông tên Hai Ca (Trần Văn Ca) được học ít nhiều, có lúc làm đến biện làng (thư kí ghi chép) nhưng mất sớm khi mới 38 tuổi. Vì vậy, ông Hai Cà là con duy nhất trong gia đình. Sau này, anh em trong dòng họ xảy ra kiện tụng, tranh chấp đất đai nên gia sản nhà ông cũng theo đó mà sa sút “là cháu nội duy nhất được ông bà cưng như trứng mỏng mà cũng chỉ ăn cơm mắm nêm”, ông Hai Cà kể lại. Vì vậy nhà ông đông người vẫn phải sống chung trong căn nhà tranh to, dù có 3,4 con trâu nhưng vẫn thuộc loại nghèo phải mượn ruộng để có thóc ăn.

Cuộc sống khó khăn, cha mất sớm khi mới lên 6 tuổi, nhưng với tinh thần ham học, ông vẫn quyết tâm đi học cho đến khi kết thúc 4 năm chương trình học tại trường Tân Ba với kết quả khá, thi đậu vào lớp nhứt trường Nam tiểu học Biên Hòa nhưng do không có phương tiện đi lại và tiền đóng học, ông Hai Cà mới nghỉ. Lúc này ông tròn 11 tuổi.

Sau thời gian nghỉ ở nhà, ông lại theo học chữ nho của thầy dạy trong làng. Và vì nhà nghèo quá, không có tiền trả thầy nên ông vừa theo học vừa ngày ngày



giúp việc vặt trong nhà thầy như coi trâu, bắt mạ, làm cỏ, dọn chuồng trâu, học cày... để trả ơn.

Gia cảnh nhà ông khi ấy nghèo đến độ mẹ ông không có đủ tiền cho ông cắt tóc. “Má tôi đi xay bột mướn, cứ một chục lít gạo ăn công một cắc (1 hào)”. Có bữa ông xin tiền má đi cắt tóc, má ông nói “bây giờ không có tiền ăn, con để tóc đi, má không có tiền cho con hớt tóc”. Vậy là từ đó, ông để tóc dài và búi tóc củ hành. Ông hóm hỉnh kể lại “Người không biết tưởng tôi tu hành theo đạo nào đó”.

Tuổi thơ của ông cũng trải qua những trò chơi dân gian và tính tình nghịch của trẻ thơ, cũng “uỳnh lộn” toi bời với trẻ con xóm khác. Ông kể rằng, hàng năm trên quê ông người ta thả tàu tống gió trên sông để tiễn âm binh, cô hồn. Trên tàu có treo đủ thứ: hình nộm, cờ xí bằng giấy, đầu heo, gà, vịt, đồ vàng mã... Má ông thì cho rằng vấn đề cúng kiếng hết sức quan trọng, không cho đụng vào còn ông thì với sự hồn nhiên của tuổi thơ lại bày trò nghịch phá bằng cách lội ra sông kéo tàu vào bờ rồi cùng bạn bè “bẻ đầu hình nộm” khiến má thấy ngộ nghịch, vác cây đánh.

Bước vào tuổi 15, cuộc sống gia đình khó khăn nên ông đã sớm biết lo đỡ đần mẹ công việc. Ông kể rằng, năm tròn 15 tuổi, ông thầy Tư Đố khuyên kiếm việc làm ăn nuôi má. Vậy là tuổi thơ tôi chấm dứt từ đó. Thương mẹ vất vả, dù tuổi còn trẻ nhưng ông đã biết lo lắng và chí thú làm ăn. Cũng vì gia cảnh nghèo khó, sớm làm bạn với ruộng đồng, cày kéo nên ông “biết cày từ khi còn học nhà thầy Đố... Tuy mới 15 nhưng vóc dáng đã trông trọng hơn nhiều bạn cùng trang lứa. Tôi thuộc loại lao động có hạng trong làng, cường độ và năng suất lao động rất cao. Chỉ làm một vụ mía, má con tôi đã trả hết nợ mua trâu, còn dư 100 đồng” [1]. Bằng sự cần cù, chăm chỉ làm ăn, hai năm sau ông đã giúp mẹ mua đất, cất nhà cột vuông, có trâu, có mía, kinh tế gia đình trở nên khá giả. “Tôi làm quần quật, làm thiệt sự chớ làm gì có chuyện làm chơi ăn thiệt”, ông kể lại.

Năm 1938, dưới sự thúc giục của mẹ, ông Hai Cà lấy vợ, là cô gái Trương Thị Hiệu cùng làng nết na, đảm đang, tháo vát. Kinh tế nhà ông ngày càng vững mạnh. Đến Tổng khởi nghĩa giành chính quyền, cuộc sống đang yên bình thì Pháp quay trở lại xâm lược Việt Nam, từ đó ông Hai Cà bắt đầu tham gia cách mạng.

## **II.2. Cách mạng với người thanh niên dân cày**

Ông kể lại rằng, suốt mấy năm trước cách mạng tháng Tám, bản thân chỉ mãi mê làm ăn “tối mắt tối mũi” hết cày ruộng, ép mía đến đi đánh cá, đốn củi, phụ má tráng bánh hết ngày “đêm về đánh một giấc tới sáng”. Nên hầu như ông chẳng

quan tâm tới tình hình xã hội, chỉ thỉnh thoảng trao đổi vài ba câu chuyện tầm phào hoặc nghe mấy ông lớn tuổi nói lại loáng thoáng đôi ba câu chuyện.

Hồi nhỏ ông cũng nghe dân làng xì xào về hội kín, hội mở hoạt động ở Tân Uyên nhưng “nghe vậy thôi chứ tôi không đi sâu tìm hiểu” [Hồi kí Đại tá Trần Công An, tr.20]. Những năm 1943 – 1944, thực dân Pháp về quê ông bắt lính, ông cũng bị bắt vào đội đua ghe rồi đi đào hầm cho Nhật ở Bình Chánh, Bình Hóa và làm sân bay dã chiến gần quận lỵ Tân Uyên. Với bản tính một người nông dân thật thà, chất phác, ông chưa bao giờ để ý hoặc suy nghĩ về cách mạng. Thậm chí, trước cách mạng tháng Tám nổ ra, những sự kiện lịch sử như Nhật đảo chính Pháp hay máy bay quân Đồng minh ném bom Sài Gòn, Biên Hòa ông chưa từng quan tâm. Cho đến khi...

Cách mạng tháng Tám nổ ra đã mang lại điều kì diệu cho nhân dân Việt Nam. Người dân cả nước nhất tề vùng lên giành chính quyền. Anh nông dân chỉ biết cắm cúi làm ruộng không hề để ý đến mọi chuyện chung quanh như ông Hai Kìa bỗng nhiên bị cuốn hút vào cao trào yêu nước sôi động. Sau ngày cách mạng nổ ra, dân làng ông Hai Kìa lập tổ chức Thanh niên tiên phong, tập trung lực lượng, diễn tập để chuẩn bị đánh tây và quân Chà chớp với vũ khí thô sơ tự tạo là gậy gộc và dây thừng. Nhưng do hoạt động tự phát không được tổ chức, lãnh đạo nên lực lượng này đã thất bại ngay trận đầu ra quân đánh Pháp. “Trận đầu đụng giặc, anh em ném một số lựu đạn đập, không biết có giết được tên địch nào không nhưng chỉ huy Bảy Diệp bỏ chạy trước, hơn trăm anh em Thanh niên tiên phong Tổng Chánh Mỹ Trung như rắn mất đầu, lại thêm không có ai tiếp tế cái ăn nên rã, người làng nào về làng nấy”, ông kể.

Sau đó, lực lượng Thanh niên tiên phong trên quê hương ông được sát nhập vào Thanh niên cứu quốc và ông Hai Cà được bầu làm xã đội trưởng phụ trách dân quân du kích xã Thạnh Hội (gồm hai làng Tân Hội và Nhựt Thạnh).

### **II.3 Xã đội trưởng tay không bắt giặc**

Đầu năm 1946, địch về đóng chốt chi khu tại Tân Ba. Tháng 3 năm 1946, chúng mở cuộc càn quét lớn ở Tân Uyên. Trong cuộc càn này, mẹ ông Hai Kìa đã bị thương nặng trong một lần chở cán bộ cách mạng vượt sông trốn càn. Đồng thời, cũng sau trận càn, quê hương ông không còn bình yên như trước mà rộn lên tiếng kêu đau thương dưới gót giày quân xâm lăng. “Lính pactidăng bó ráp, bắt bó hàng ngày, mặc sức ngang nhiên cướp bóc, hãm hiếp, giết chóc...”, ông kể lại.

Sau mấy tháng đóng quân tại Tân Uyên, địch rút đi, Thạnh Hội quê ông trở thành vùng du kích tranh chấp nên lâu lâu địch lại tổ chức bó ráp. Chúng kiên sự

tàn bạo của kẻ thù gây ra trên quê hương, lòng căm thù giặc trong ông ngày càng dồn nén, chất chứa khiến Xã đội trưởng Hai Kì khôn nguôi nghĩ ngợi, quyết tìm ra phương kế đánh địch hiệu quả. Anh xã đội trưởng luôn hùng hực khí thế “quyết đánh địch để khi chúng qua đây phải ngán sợ đất này”. Nhưng từ thực tiễn những ngày đầu cầm súng, ông Hai Kì thấy rằng muốn đánh đuổi địch thì phải có súng chứ không thể dùng gậy gộc, tay không. Đêm về nằm vắt óc suy nghĩ, ông phác thảo trong đầu hai phương án đánh địch: Một là ôm địch mà vật, lấy súng. Hai là giả làm lái đò chở lính Pháp qua sông, đến gần bờ thì nhận cho đò chìm, lấy mái dầm đánh giặc. Suy xét thì thấy phương án đánh địch đi đò dễ làm hơn, hiệu quả hơn. Vậy là kế hoạch diệt ác ôn được ông lập ra. Cơ hội cũng đến với Đại tá Trần Công An, vào dịp lễ Noen, 1 tên Pháp xuống bến đò Tân Ba tìm hoa chuẩn bị ngày lễ. Nhận được tin báo, ông tìm cách tiếp cận tên Pháp, giả bộ là người đi cày về, chỉ đường cho chúng tới nơi có hoa mà thực chất là tìm cách dụ chúng đi theo ông đến chỗ vắng người, thuận lợi để ông có thể ra tay giết địch.



*Trong sự nghiệp cách mạng, ông được tặng thưởng 17 Huân chương các loại.*

Theo lời đại tá Trần Công An kể, lúc đó ông nói với tên Pháp: "Eh vous! Ici beaucoup fleurs" (Thưa ông! Đàng kia có nhiều hoa lắm). Đứng ra ông phải nói là Laba (la-bas: đàng kia) chứ không phải ici (ở đây) nhưng do vốn tiếng Pháp bập bõm lại lâu không dùng nên ông nói nhầm thành ici. Nghe vậy tên lính gật đầu "Oui! Oui".

Hắn bắt ông dẫn đi tìm hoa. Ông Kì dẫn đi lòng vòng. Đến chỗ có mương nước khô, đợi khi tên lính vừa bước lên bờ, từ phía sau bất ngờ ông lao tới ôm ghit đôi chân rồi giật mạnh về phía sau, đầu úi vào lưng.

Mắt thế, tên Pháp ngã sóng soài, khẩu súng văng ra. Hai bên vật lộn, ông nhanh tay đánh mạnh một lần nữa, rồi chồm lên tròng dây thòng lọng vào cổ tên giặc, chộp súng lên đạn cái "rộp" và chĩa vào hắn. Tên Pháp run rẩy đầu hàng để ông dẫn đi. Người tù đi cùng tên Pháp được phóng thích phụ với ông trối thúc tên giặc, giao nộp cho Huyện đội. Ông Hai Kìa được huyện đồng ý cấp cho cây súng về khoe với dân làng.

#### **II.4 Đốt nhà đi kháng chiến**

Những ngày đầu kháng chiến chống Pháp, ở những làng quê nghèo, dù người dân hăng hái gia nhập lực lượng kháng chiến đông đảo nhưng chuyện một người nông dân "hiền như cục đất", nhỏ thó lại dám tay không bắt giặc Tây cao to, quả là kinh thiên động địa. Và ông Hai Cà cũng vậy. Sau cái ngày Xã đội trưởng Hai Kìa dám đánh Tây bằng tay không, dẫn khắp nơi trong làng cho người dân xem mặt thì dân làng đã xem ông như một anh hùng trên đất Thạnh Hội.

Bị mất người, bọn Tây đồn Tân Ba ráo riết tổ chức lính đi lùng sục tìm người. Chúng nghĩ rằng lực lượng công an mật của ta bắt người của chúng nên truy xét bà con, bắt bà con dẫn đi tìm công an. Tuy nhiên nhờ chuẩn bị từ trước, du kích Trung đội 3 xã Thạnh Hội đã tổ chức phục kích, đánh bật trở lại, gây cho địch nhiều thương vong (chết 6, bị thương 4) buộc chúng nhanh chóng phải rút lui.

Đề bọn địch không gây khó dễ cho người dân trong làng sau vụ mất người, Xã đội trưởng Hai Cà mạnh dạn nói với người làng, nếu Pháp tiếp tục đến thì nói rằng chính Hai Kìa bắt tây dẫn đi chứ không phải công an. Đồng thời biết rằng, Pháp sẽ đến xét nhà và chắc chắn sẽ không thể giữ nhà, vì vậy ông Kìa bàn với má tự đốt nhà mình trước. Vậy là sau khi sắp xếp đồ đạc, và được sự đồng ý của má, ông tự tay châm lửa đốt nhà và vác súng thoát li đi kháng chiến. "Đây được xem là bước ngoặt lớn đầu tiên của đời tôi", ông Kìa kể lại.

Từ đó, dân làng Nhựt Thạnh truyền tai nhau câu chuyện ông Hai Kìa tay không bắt giặc, cướp súng đốt nhà, già từ búi tóc đi kháng chiến. Cũng từ sự kiện này, ông có tên Trần Công An.

#### **II.5 Ông tổ đặc công**

Tham gia kháng chiến, ông Hai Kìa gia nhập lực lượng Chi đội 10 và được học quân chính tại trường Quân chính Hoàng Hữu Nam.

Tháng 11 năm 1947, huyện đội Tân Uyên được thành lập. Thực hiện chủ trương kháng chiến triệt để dựa vào dân. Chính quyền, mặt trận và các đoàn thể cử

cán bộ xuống các xã trong toàn huyện vừa tuyên truyền, vận động, tổ chức huấn luyện dân quân tự vệ, du kích làm tốt việc canh gác, điều tra tình hình phá hoại cầu cống, cắt đứt giao thông; đồng thời tổ chức chiến đấu nhỏ lẻ đánh địch, chống khủng bố, cướp của, giết người bảo vệ nhân dân.

Sau khi tham gia học khóa quân chính 3 tháng trở về, ông Hai Cà được Chi đội 10 điều xuống huyện đội Tân Uyên công tác. Sức trẻ cộng với kiến thức quân sự vừa được trang bị ở lớp học, ông hăm hở dẫn đầu một tổ du kích xuống các xã nắm tình hình và thực thi nhiệm vụ.

Xuất phát từ lòng căm thù giặc sâu sắc và tinh thần yêu nước nồng nàn cộng với nhiệt tình cách mạng, sự hăng say của tuổi trẻ, ông biết vận dụng kiến thức dựa vào dân xây dựng cơ sở mật để nắm bắt tình hình của địch. Biết chắc địch ở đồn Tân Ba thường hay tổ chức lùng sục, ông đã mạnh dạn tổ chức cho du kích huyện phối hợp cùng du kích xã phục kích, đánh liền hai trận, diệt 6 tên địch, thu 6 khẩu súng.

Những trận đánh đầu tiên với kết quả thu được này từng bước cho ông Hai Kìa niềm tin mãnh liệt vào khả năng đánh thắng giặc Pháp và động viên ông không ngừng nỗ lực học tập, rèn luyện hoàn thiện bản thân mình.

### **II.5.1 Trận công đồn bí mật đầu tiên**

Càng đánh giặc, người thanh niên Hai Kìa càng hăng hái bởi thấy dù quân Pháp cao to nhưng rõ ràng không gì là “bất khả xâm phạm”. Bằng chứng là dưới tài khéo léo của mình, ông Kìa tổ chức đánh đầu thắng đấy, nếu mưu trí, dũng cảm và sáng tạo thì sẽ đánh được Pháp.

Giữa năm 1947, trước nguy cơ phá sản của chiến lược đánh nhanh thắng nhanh trên chiến trường Việt Nam, Pháp với mục đích muốn nhanh chóng nắm tình hình, tướng Đờ La-tua (De Latour Desmerlins) sang thay thế tướng Nyô đã đề ra kế hoạch “3 giai đoạn, 6 biện pháp” trong đó có chiến thuật tháp canh nổi tiếng. Thực hiện chiến thuật này, địch tiến hành xây dựng hệ thống tháp canh dày đặc dọc các lộ giao thông huyết mạch. Mỗi tháp canh nằm cách nhau khoảng 1km, tạo thành hệ thống liên hoàn để kiểm soát, bảo vệ các đường giao thông quan trọng đồng thời chia cắt, khống chế vùng căn cứ cách mạng và các hoạt động của ta, phục vụ kế hoạch bình định toàn khu vực.

Mỗi tháp canh được xây dựng theo hình vuông, dài 4 – 5m, tường xây bằng đá hoặc gạch dày 40 – 60cm, cao ba tầng khoảng hơn 10m, xung quanh có một số châu mai, nóc lợp ngói hoặc tôn làm chòi gác có trang bị đèn pha cỡ lớn để quan

sát xa. Nhân dân trong vùng hay gọi gác canh trên tháp là lồng cu. Trong tháp canh, tầng 1 vừa là kho vừa là nơi nấu nướng; tầng 2 là nơi lính ở. Tầng 3 là lồng cu có lính gác ngày đêm. Quân trong mỗi tháp canh là 1 tiểu đội, được trang bị đầy đủ súng ống, đạn dược. Phía ngoài mỗi tháp canh có 3 hàng rào kẽm gai (về sau, địch cho gài thêm lưu đạn hoặc mìn) và có hào cắm chông. Cứ cách 5-7 tháp canh “con” lại xen tháp canh “mẹ” có cấu trúc cao hơn, kiên cố hơn. Từ các tháp canh này, địch thực hiện chiến thuật “vét dầu loang” để lần chiếm vùng căn cứ cách mạng.



*Bàn thờ Đại tá Trần Công An cùng 2 người đồng đội từng đánh trận tháp canh cầu Bà Kiên năm 1948 tại gia đình.*

Trước tình hình ấy, đầu năm 1948, Huyện đội Tân Uyên chỉ thị cho tổ trưởng tổ tác chiến Hai Kìa phải cùng với du kích huyện và xã tìm cách đánh phá tháp canh của địch để lập thành tích kỷ niệm ngày thành lập Huyện đội, và kỷ niệm ngày sinh nhật Bác với yêu cầu bằng mọi giá phải đánh thắng ngay trận đầu ra quân để cổ vũ tinh thần đánh Tây của du kích địa phương. Đánh trận dù nhỏ cũng phải tiêu diệt gọn, lấy được súng; nếu không lấy được súng coi như chưa hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Trước yêu cầu nhiệm vụ được giao, tổ trưởng tác chiến Kìa lại trăn trở, làm sao đánh thắng địch nhưng phải đảm bảo ít thương vong nhất trong điều kiện tương quan lực lượng khá chênh lệch: địch được trang bị vũ khí hiện đại, tối tân còn ta thì vũ khí thô sơ, chiến trường miền Đông bấy giờ chưa có vũ khí nào đủ sức công phá bức tường dày của tháp canh do địch xây dựng. Bên cạnh đó, ngày đêm chứng kiến quân thù giày xéo quê hương, xứ sở, giết hại đồng bào vô cố, trong ông luôn nung

nấu lửa cầm hờn “Làm sao giết giặc? Câu hỏi ấy cứ quay cuồng trong tôi ngày đêm cháy bỏng”, Đại tá Kìa kể lại.

Sau lần thất bại của trận đầu ra quân đánh xe đi tuần theo tháp canh ở Phước Hòa vì giật mình sớm, ông Hai Kìa nhận thấy cách đánh này không ổn, đồng thời vận dụng phương châm “dựa vào dân làm kháng chiến”, ông quyết định thử sức với tháp canh trên cầu Bà Kiên theo cách đánh mới.

Tháp canh này nằm ở xã Phước Thành, cách đồn địch ở Tân Ba 1km. Sau khi điều nghiên bước đầu, nắm bắt được thông tin về tháp canh cầu Bà Kiên từ cơ sở mật, kết hợp 3 đêm trực tiếp đột nhập sát tháp canh nắm được quy luật hoạt động của bọn lính trong tháp canh, số lượng vũ khí, quân lính... Ông Kìa thấy tháp canh Bà Kiên được xây rất kiên cố với tường gạch dày 40cm, rộng 16m, cao 10m, một phiên gác 10 lính, được bảo vệ bằng rào sắt, đèn pha và mìn. Ngoài ra, có nhiều chi tiết khiến ông chú ý như giờ đổi phiên gác, lỗ châu mai, thói nghiện thuốc của lính canh, cỏ dại, đặc biệt là hệ thống đèn pha, qui luật rọi đèn... Tổ trưởng Kìa về báo cáo Huyện đội phương pháp đánh, xin được hỗ trợ vũ khí và sẽ tổ chức đánh theo cách riêng của mình vì ông nhận thấy nếu bộ đội tấn công đông người thì chắc chắn sẽ cầm chắc thất bại. Cách đánh bí mật, bất ngờ được ông Hai Kìa đem ra sử dụng.

Tim được lối đánh, ông lựa chọn 8 người nhanh nhẹn, khỏe mạnh tổ chức luyện tập, liên tục bí mật bám sát tháp canh quan sát. Để nắm bắt quy luật rọi đèn của địch, vì không có đồng hồ nên ông cùng đồng đội phải ghi nhớ bằng cách đếm những lần nín thở, sau đó về mượn đồng hồ tính ra thời gian cụ thể. Đèn pha của địch rất sáng, rất khó để đột nhập nhưng ông cũng phát hiện ra qui tắc là dù đèn sáng và mắt người gác tinh cỡ nào thì cũng có lúc bị “mù”, do nhìn lâu vào luồng sáng mạnh, mắt không thể nhìn thấy gì ở khoảng đen khi đèn pha lướt qua. Mặc dù chỉ diễn ra trong thời gian rất ngắn nhưng là “thời điểm vàng” của người đột nhập. Sau thời gian bám địa hình nghiên cứu, ông thấy có 3 thời điểm quan trọng có thể đột nhập vào tháp canh đó là: khi lính đổi gác, khi lính bật quẹt hút thuốc và khoảng cách thời gian quét qua lại của đèn pha. Bên cạnh đó, ông cũng nhận thấy, bọn lính trong tháp canh chỉ chú ý mặt tiền con lộ hướng Đông mà ít chú ý con rạch bên hướng Bắc.





*Bộ đội đặc công tổ chức đột nhập căn cứ địch (nguồn: Internet)*

Trở về, ông cùng đồng đội tổ chức tập trận giả đánh tháp, người thì trèo lên cây, ôm đèn pha, làm lính canh; người thì tìm cách áp sát tháp canh. Trong quá trình tập luyện, dưới ánh đèn, anh em đột nhập hàng chục lần đều bị phát hiện, có khi cả cơ thể, lúc là chòm tóc đen, đôi mắt. Để khắc phục, khi người đóng vai lính gác phát hiện ra chòm tóc đen thì được lấy lá chuối che lên đầu, lần sau không phát hiện nữa. Còn với tròng mắt bị sáng khi đèn pha chiếu vào thì khắc phục bằng cách gục đầu hoặc nhắm mắt lại. Còn với lưng trắng lộ dưới ánh đèn, ông cùng mọi người cắt tàu lá chuối non buộc lên cho giống màu cỏ. Sau khi tập luyện thành thạo, ông Kìa bàn bạc với anh em sẽ tiến hành đột nhập vào tháp canh lúc lính đổi gác vì khi ấy bọn chúng sẽ tán chuyện với nhau khá lâu.

Xác định rõ cách đánh và thời gian đánh, ông chọn hai người là ông Hồ Văn Lung và Trần Văn Nguyên tham chiến cùng mình. Tuy nhiên, muốn trèo vào được tua để đánh tháp canh thì cần phải có thang dài. Làm sao mang thêm cái thang cồng kềnh mà không bị địch phát hiện. Ông cùng ông Lung vào xóm mượn thang hái trà của dân, lấy quần “xà lỏn” quấn vào hai đầu thang để tránh tiếng động. Mặt khác lúc ấy đa số còn sử dụng loại lựu đạn đập thô sơ do công binh xưởng của ta chế tạo. Ông lo chính tiếng đập này sẽ làm mất yếu tố bất ngờ để giặc nhanh chóng phản ứng nên quyết định đổi 9 trái lựu đạn đập được cấp cho Trung đội 3 du kích xã để lấy 9 quả lựu đạn rút chốt, ông mới ra quân.

Tối ngày 18, rạng sáng ngày 19 – 3 – 1948, theo kế hoạch, toàn tổ nguy trang tiến sát hàng rào, quan sát kỹ mục tiêu, chỉ rõ nhiệm vụ từng người và ông bí mật trực tiếp bắc thang vào tháp canh. Nhưng khi tới gần hàng rào chuẩn bị đột nhập thì ông và đồng đội gặp trở ngại, vì chiều đó bọn Pháp đột trụi đồng cỏ bao

quanh. “Cùng tắc biển, biển tắc thông”, đang loay hoay, ông bất ngờ nhìn lớp tro cỏ, chợt nghĩ ra cách lấy bùn ướt và chính tro này xoa lên người để ngụy trang...

Cuối cùng, 3 người áp sát tháp canh thành công, ném liên tiếp chín quả lựu đạn. Lựu đạn nổ, toàn bộ địch bảo vệ cầu và tháp canh bị tiêu diệt. Sau khi hai người đồng đội cùng chiến đấu đã rút lui an toàn, để đề phòng địch còn sống sót đánh trả, ông chui vào ném tiếp trái lựu đạn phòng thân. Do lựu đạn nổ gần, một mảnh văng ra trúng ngực trái khiến ông rơi xuống, bất tỉnh. “Tôi thấy ngực mình ê... có cảm giác da ướt ướt, tôi lấy tay quẹt rồi đưa lên nếm thấy mặn mặn. Chết cha, mình bị thương. Xuống đến nửa thang, tôi rút “bịch”, ông Hai Cà kể lại. Nhưng ngay sau đó ông tỉnh lại và mặc dù vết thương máu ra nhiều, ông vẫn cố gắng cùng đồng đội leo thang trở lại tháp canh rút dao găm lao vào cận chiến, hạ gục những tên còn sống, thu 10 súng trường và rất nhiều đạn dược. Sau này, mỗi lần kể lại câu chuyện đánh tháp canh cầu Bà Kiên, ông Hai Cà lại đưa tay sờ trên ngực trái, nơi mảnh lựu đạn vẫn còn nằm trong đó như nhắc nhở ông về quá khứ gian khổ hào hùng những đầu đánh Pháp mỗi khi trái gió trở trời.

Sự kiện tháp canh Bà Kiên bị diệt lan truyền. Quân Pháp hoang mang với lối đánh lần đầu xuất hiện ở chiến trường này. Lúc ấy chưa có tên gọi đặc công, nhưng quân kháng chiến đã hiểu có thể áp dụng chiến thuật “lấy ít đánh nhiều, lấy yếu thắng mạnh, lấy tinh nhuệ chiến thắng số lượng đông, lấy bí mật, bất ngờ làm yếu tố tiên quyết”. Không khí phấn khởi, sôi nổi giết giặc lập công dâng lên khắp nơi trong Huyện đội Tân Uyên. Ngày 19 tháng 3 năm 1948 sau đó trở thành ngày truyền thống của lực lượng đặc công Việt Nam.

Tự tin với khả năng công đồn thắng giặc của mình, ngay sau trận cầu Bà Kiên, ông lại cùng với đồng đội tổ chức chặn đánh tên lính người dân tộc ở bót Tân Ba. Bằng cách giả đồ đi xin giấy thông hành (lát-xê pát-xê: Laissez-passer), chờ lúc tên lính dẫn tù binh đi gánh nước. Một đồng đội của ông móc súng bắn nhưng đạn lép không nổ, tên lính bỏ chạy, ông Hai Cà đuổi theo đập trúng nó ngã rồi cướp súng bỏ chạy. Kể lại lần đánh này, ông vẫn còn nhớ rõ vì gắn với ông kỷ niệm khó quên. Khi ấy, đi kháng chiến ông Hai Cà được má tặng một chiếc quần trắng để mặc nhưng không có dây lưng. Vì mặc lâu ngày, chiếc quần bị mục nên khi ông đuổi theo giặc cướp súng, quần rách khiến ông vừa một tay xách súng, một tay giữ quần cho khỏi tụt.

Cách đánh của ông Hai Cà được Quân khu đánh giá cao, cho rằng đó là cách đánh rất hay nên ông được giao huấn luyện lối đánh này cho chiến sĩ chiến khu Đ và các tỉnh lân cận. Tuy khởi đầu nhưng phương pháp huấn luyện khá bài bản, có

cả mô hình tháp canh, đồn bót. Chiến sĩ được huấn luyện kỹ thuật hóa trang, vượt rào thép gai, bãi mìn, ánh sáng và những đòn thế cận chiến hiểm hóc...

Mặc dù đã đề phòng lối đánh xuất quỷ nhập thần này nhưng nhiều sào huyệt của quân Pháp sau đó vẫn liên tiếp bị đánh tung. Riêng trận đánh tháp canh lớn ở cầu Vàm Giá, Phú Giáo, cả trung đội địch với đủ hỏa lực hạng nặng đại liên, súng cối bị hạ gục hoàn toàn. Trận này, ông Hai Cà dẫn nhóm người của mình hóa trang thành cây cỏ vượt hàng rào kẽm gai, bãi mìn, rồi luồn dưới kênh nước tiếp cận mục tiêu thành công dưới máy họng súng đại liên lúc nào cũng chữa... ngay trên đầu họ. Sau trái nổ phá tường, trái nổ thứ hai được cột vào đầu cây tầm vông nhét sâu vào bên trong. Sức công phá khủng khiếp đến mức vỡ tung tháp, hất bay tên lính ngồi canh trên cao ra sông cách đó mấy chục mét, 31 lính chết tại chỗ, còn bốn tên trọng thương bị bắt sống. Trong trận này, ta tiêu diệt 1 trung đội lính Âu – Phi, thu 26 cây súng trong đó có 1 súng đại liên, 1 súng cối... Ngoài ra, đợt hoạt động từ tháng 4 đến tháng 10 – 1949, bằng các cách đánh nhanh, bất ngờ, bí mật, Huyện đội Tân Uyên đã được 120 súng các loại để làm vũ khí trang bị cho các đơn vị du kích huyện, xã.

### **II.5.2 Hoàn thiện cách đánh tháp canh - hình thành cách đánh đặc công**

Cuối năm 1949, địch ráo riết thực hiện chiến thuật tháp canh Đờ Latua, hàng ngàn tua, bót được thành lập trên đất Nam Bộ. Hệ thống tháp canh của địch hết sức lợi hại, chi viện cho nhau hiệu quả nên gây cho ta rất nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, trước sự kiện các tháp canh liên tiếp bị đột nhập khiến cho thực dân Pháp rút kinh nghiệm, tổ chức canh phòng cẩn mật hơn. Theo chỉ đạo của Khu và Tỉnh đội, dân quân du kích các xã tập trung bảo vệ lực lượng, phá hoại cầu đường trong hệ thống giao thông của địch. Riêng hai trung đội của Huyện đội Tân Uyên được giao nhiệm vụ bảo vệ cán bộ từ chiến khu ra vùng tranh chấp; vận động nhân dân ủng hộ cách mạng, bảo vệ mùa màng... Thời gian này, lực lượng du kích các địa phương cũng thực hiện cách đánh từ xa vô các tua, bót của địch bằng pháo nhưng đều tỏ ra không hiệu quả.

Tháng 10 năm 1949, Quân khu 7 quyết định thành lập lực lượng bộ đội chủ lực tại địa phương. Ông Hai Cà được phân công làm Huyện đội phó huyện đội Tân Uyên kiêm Đại đội trưởng Đại đội Nguyễn Văn Nghĩa, mới thành lập gồm 76 cán bộ, chiến sĩ. Đồng thời trước tình hình mở rộng chiến thuật tháp canh của Pháp và thất bại của cách đánh truyền thống trước đó, Khu 7 mở hội nghị bàn cách đánh tháp canh và mở huấn luyện cách đánh này ra các vùng lân cận. Hơn 100 chiến sĩ, du kích trong vùng và các khu vực Thủ Đức, Lái Thiêu, Long Thành, Vĩnh Cửu... cùng tham gia lớp học. Cũng từ đây, cách đánh công đồn bí mật của ông ngày càng

được hoàn thiện. Cụ thể, bên cạnh việc tập luyện theo cách đánh tua với kỹ thuật đột nhập hóa trang, bí mật, bất ngờ thì kỹ thuật đánh tháp có cải tiến ở điểm thay thế chiếc thang nặng công kênh bằng sào lồ ô phơi khô đầu có gắn mìn lôm FT để đảm bảo đánh tới lính gác trong lồng cu.

Để chứng minh khả năng giành thắng lợi trong cách đánh mới, cùng với Giám đốc xưởng cơ giới Bùi Cát Vũ, ông Hai Cà tổ chức và trực tiếp chỉ huy lực lượng du kích, chiến sỹ tham gia lớp học ra quân đánh đồng loạt 50 tháp canh dọc các lộ 16, 1, 24, 14 và các đường liên tỉnh 15, 12... Mỗi tháp canh phân công 2 người tham gia đánh. Kết quả, cả 50 tháp canh đều bị tiêu diệt, 70 tên địch chết, một số bị thương... khiến quân Pháp ở Biên Hòa hoang mang, lo sợ.

Cách đánh đặc biệt của ông Hai Cà ngày càng phát huy vai trò quan trọng trong việc kiến tạo nên những trận đánh thắng địch để cổ vũ phong trào cách mạng cũng như uy hiếp làm lung lay tinh thần chiến đấu của quân địch vì nó hoàn toàn phù hợp với điều kiện vũ khí còn nhiều thô sơ trên chiến trường miền Đông Nam bộ của quân và dân ta lúc bấy giờ. Điều đó lại được khẳng định trong loạt trận đánh các đồn bốt dọc đường 16 vào tháng 4 năm 1950 theo chủ trương của Khu bằng lực lượng Liên Trung đoàn 301 - 310. Trong đó, Tiểu đoàn 303 phụ trách đánh chi khu Tân Uyên. Đại đội Bạch Đằng đánh tua cầu Rạch Tre. Tiểu đoàn 306 đánh tua cầu Tổng Bản. Tiểu đoàn 302 đánh tua Sáu Biện. Còn huyện đội Tân Uyên đánh tua cầu Bà Kiên để chặn viện trợ của địch từ Tân Ba lên.

### **II.5.3 Lần thứ 2 đánh tua cầu Bà Kiên: đi sau về trước**

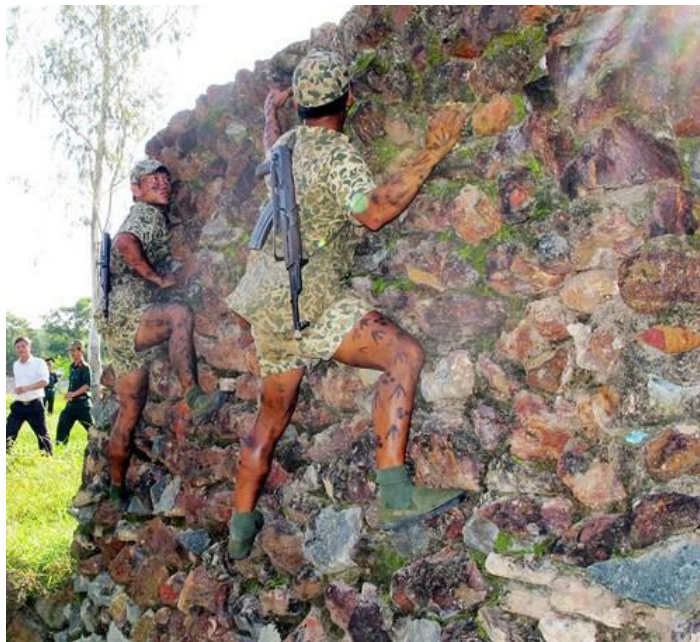
Theo đó, kế hoạch đánh tua cầu Bà Kiên được huyện đội phó Hai Cà vạch ra như sau: dùng mìn FT đánh thủng một lỗ vào tháp canh sau đó quăng dầu hôi kết hợp với lựu đạn chùm đã gài sẵn. Nếu lựu đạn chưa kịp nổ thì sẽ quăng bom trợ thêm lựu đạn từ ngoài vào. Kế hoạch được đồng chí Bùi Cát Vũ, Tỉnh đội Biên Hòa đồng ý.

12 giờ đêm, khi lực lượng của huyện đội Tân Uyên còn chưa kịp tiến đến vị trí tháp canh Bà Kiên thì các đơn vị bộ đội khác đã nổ súng nổ râm ran, liên hồi. Mặt khác, trong quá trình đột nhập lần này, vì đảm bảo yếu tố bí mật nên thùng dầu và chùm lựu đạn gài buộc phải để bên ngoài. Ông và đồng đội chỉ đem theo 2 trái lựu đạn FT và pêta. Vừa tiến gần tháp canh thì ông và đồng đội đã bị tên lính gác phát hiện ngay từ đầu. Chúng còn chế nhạo ông là dùng loại đạn điên điên nổ kêu “chọc, chọc”, đồng thời hỏi ông về vì đánh chắc chắn “không ăn đâu, đừng đánh nữa”. Đồng đội đi cùng bản khoăn hỏi ông liệu có nên đánh tiếp hay lui về.

Không hề đắn đo, ông quyết định tiếp tục liều đánh vì đó là danh dự của người lính ra trận.

Và đúng như ông dự đoán, tên lính chỉ nói bằng quơ để tự trấn an tinh thần khi thấy bộ đội ta tiến đánh các đồn bốt chung quanh. Sau 1 giờ tiềm nhập im lặng, ông ra lệnh cho đồng đội đi cùng mang trái lựu đạn FT vào, châm điện, ném vào tháp canh. Một tiếng nổ “ầm” vang lên, toàn bộ tháp canh cầu Bà Kiên chỉ còn đống gạch ngổn ngang, 16 tên lính canh chết tại chỗ. Ông và đồng đội thu được 16 cây súng và nhiều vũ khí khác.

Trời gần sáng, trong khi ông và đồng đội đã đánh xong rút về an toàn thì các tiểu đoàn 302 và 306 vẫn nổ súng “ì xèo”. Theo lời ông kể, tiểu đoàn 302 dùng hỏa lực mạnh tiến công khiến lính trong tua Sáu Biện không chịu nổi phải đầu hàng nhưng lợi dụng đêm tối, chúng trốn hết, ta không bắt được tên nào cũng chẳng thu được súng. Tiểu đoàn 306 đánh tua cầu Tổng Bản bằng súng phòng lựu đạn cũng không thành. Đại đội Bạch Đằng đánh tua cầu Rạch Tre không được cũng phải rút. Tiểu đoàn 303 triển khai đội hình trong rừng sát chi khu Tân Uyên nhưng bị lộ nên cũng thất bại.



*Đặc công ngày nay luyện tập. (Nguồn: quocphonganninh.edu.vn)*

Như vậy trong kế hoạch đánh các trận dọc đường 16 của Khu đêm ngày 18 – 4 – 1950 thì chỉ có Trung đội của huyện đội Tân Uyên là giành được thắng lợi, đánh sập tua cầu Bà Kiên lần hai, thu 16 súng, nhiều đạn dược và lựu đạn nhờ giữ được yếu tố bí mật, bất ngờ và sáng tạo.

Sau trận đánh tháp canh cầu Bà Kiên thắng lợi, Tỉnh đội Biên Hòa và Bộ Chỉ huy Khu 7 đã nhiệt liệt biểu dương, khen thưởng cho Đội du kích Tân Uyên và cá nhân Đội trưởng Trần Công An đồng thời đánh giá: "Trận đánh cầu Bà Kiên đã mở ra một hình thức tác chiến mới, dựa vào dân, nắm chắc địch tình, nắm chắc mục tiêu và cách bố phòng của chúng, chỉ dùng lực lượng rất ít đánh lực lượng đông, với ý chí chiến đấu và tinh thần dũng cảm, gan dạ, mưu trí tấn công bất ngờ khiến địch trở tay không kịp. Qua kinh nghiệm này, ta có khả năng đánh phá đồn bót của địch nhiều nơi ở chiến trường miền Đông Nam bộ".

#### **II.5.4 Liên tiếp giành thắng lợi**

Phát huy thắng lợi giòn giã ở trận cầu Bà Kiên và trận tua Vàm Giá nhờ cách đánh đặc công, xuyên suốt tháng 5 năm 1950, Đại đội Nguyễn Văn Nghĩa do ông Hải Cà làm Đại đội trưởng đã chia thành nhiều tổ, trang bị mìn FT và Pêta tổ chức đi điều nghiên, đánh các tua dọc đường 12, 14, 16. Nếu lọt vào tua nào chủ động đánh tua đó. Riêng đợt này, đơn vị ông đã đánh 19 tua, bốt thu 150 súng. Chiến thắng liên tiếp của ta khiến bọn địch quanh chiến Đ chao đảo.

Chiến thắng tháp canh cầu Bà Kiên lần hai và chiến thắng tua Vàm Giá góp phần hoàn thiện thêm kỹ thuật đánh đặc công lên một bước mới và được phổ biến rộng rãi. Đặc biệt, từ sau trận đánh bốt tại Thủ Dầu Một, một chiến sỹ bộ binh đã sử dụng kỹ thuật đặc công, đặt mìn đánh cứ điểm địch. Đây được xem như một bước phát triển mới đầy sáng tạo của kỹ thuật đánh đặc công khi biết kết hợp với bộ binh.

Từ tháng 6 đến tháng 9 năm 1950, dưới sự chỉ đạo của Tỉnh đội Biên Hòa và Quân khu 7, hơn 300 du kích xã trong vùng đã được lựa chọn kỹ chia thành 50 tổ tham gia đợt huấn luyện bí mật kéo dài 3 tháng ở khu vực Mã Đà (chiến khu Đ). Sau đó, lực lượng này được thực tập cách đánh tại nhiều nơi, thu những thắng lợi giòn giã. Cụ thể như: 1 tổ đặc công do Huyện đội Phó Tạ Văn Tạo huấn luyện ở Bà Rịa, tham gia đánh sập 3 tháp canh tại Phú Mỹ Hưng, 3 tổ đặc công do Đại đội trưởng Hải Cà huấn luyện ở Thủ Đức, vừa tham gia đánh sập 3 tháp canh và 1 bốt. Đội huấn luyện ở Mĩ Tho cũng tổ chức đánh thắng bốt Máy Đèn. Trong chiến dịch Bến Cát tháng 10 năm 1950, 1 trung đội của Đại đội Nguyễn Văn Nghĩa đã chia thành 4 tổ tiêu diệt 4 tua trên lộ 7 và lộ 14, thu 24 súng cùng nhiều đạn dược và chiến lợi phẩm. Riêng bộ phận ở nhà đánh sập các tháp canh lớn tại xã Bạch Đằng, bốt Cao Đài tại xã Tân Hạnh, tháp canh trên đường 10... Có thể nói, từng bước, cách đánh đặc công đã phá vỡ từng mảng lớn tua bốt ở nhiều vùng Đông Nam bộ trong khoảng thời gian cuối năm 1950.



Tại hội nghị tổng kết chiến dịch Bến Cát mở rộng tháng 11 năm 1950, cách dùng mìn và thủ pháo bí mật vào đánh đồn địch bằng lực lượng nhỏ được Bộ tư lệnh Quân khu 7 đặt tên gọi là cách đánh “**đặt công**”, nghĩa là bí mật đặt mìn công phá tường. Nhưng do cách phát âm của người dân Nam bộ nên chữ “đặt” đọc và viết thành chữ “đặc”. Sau này cách đánh đặc công được gọi là “công đồn đặc biệt”, nói gọn là “**đặc công**”. Từ đây, cách đánh này được mở rộng trong toàn miền, phát huy hiệu quả đặc biệt góp phần từng bước đánh bại chiến thuật tháp canh của quân đội Pháp trên đất Nam bộ. Từ kỹ thuật đặc công đánh tháp canh, sau này bộ đội và du kích đã sáng tạo thêm kỹ thuật đánh đặc công nước, đặc công biệt động. Đồng thời, trong một hội nghị quân sự, đại đội Nguyễn Văn Nghĩa của lực lượng vũ trang Biên Hòa là Đại đội đặc công đầu tiên chính thức ra đời.

Sau khi giành thắng lợi trong trận đánh tua An Chũ (cù lao Bình Chánh) nhưng bị tổn thất về sinh lực và liên tiếp đánh các tua ở vùng sâu như tua cầu Thầy Kiên, tua cầu Lá Bông, tua cầu Thủ Huồng, tua Rạch Sỏi, tua cầu Hang... thì Đại đội trưởng Hai Cà thấy rằng, cần phải bàn bạc với anh em trong đơn vị, rút kinh nghiệm trong quá trình đánh bót, tháp canh. Để không bị thất bại, trước khi đánh bất cứ nơi nào cũng cần điều nghiên, tìm hiểu kỹ, vận dụng sáng tạo cách đánh với từng đối tượng. Nếu không thì sẽ không thể giành được thắng lợi.



Đại tướng Võ Nguyên Giáp thăm Ông tổ đặc công Trần Công An

*Đại tướng Võ Nguyên Giáp thăm Ông tổ đặc công Trần Công An*



Giữa năm 1951, Trung ương cục miền Nam phân chia lại chiến trường Nam bộ thành hai phân liên khu: miền Đông và miền Tây (lấy sông Tiền làm ranh giới). Tỉnh Biên Hòa và Thủ Dầu Một sáp nhập lại thành tỉnh Thủ Biên.

Ngày 11 – 6 – 1951, một bộ phận của Đại đội Nguyễn Văn Nghĩa đã phối hợp cùng đội biệt động Thủ Biên và bộ phận đại đội Lam Sơn đánh bót Long Điền. Nơi trung đội lính ngụy thuộc “lực lượng cơ động bảo vệ công giáo” đóng giữ để án ngữ phía đông căn cứ Bình Đa, tiến hành lần chiếm phía nam vùng căn cứ kháng chiến huyện Vĩnh Cửu. Đại đội Nguyễn Văn Nghĩa có kế hoạch tấn công 4 lô cốt, diệt tên lính gác trên nóc bót. Chỉ trong 10 phút, ta đã giành thắng lợi, tịch thu toàn bộ vũ khí của địch đồng thời phá tan âm mưu lợi dụng tôn giáo chống phá cách mạng vùng ven Biên Hòa.

Tháng 7 năm 1951, tỉnh đội lại sử dụng Đại đội Nguyễn Văn Nghĩa với 25 thành viên tiêu biểu, phối hợp đánh diệt yếu khu Trảng Bom, tham gia vận động quần chúng giác ngộ cách mạng...

### **II.5.5 Những lần gặp Bác**

Sau những trận đánh tháp canh bằng chiến thuật... quần đùi, lựu đạn, dao găm, mà sau này gọi là chiến thuật "đặc công", tháng 4 năm 1952, ông Trần Văn Kìa lúc đó là Đại đội trưởng Đại đội Nguyễn Văn Nghĩa được rút về làm Huyện đội phó Lái Thiêu, rồi lên Phòng tham mưu Tỉnh đội Thủ Biên. Trong một cuộc họp kiểm điểm, Bí thư Tỉnh ủy Nguyễn Quang Việt nhận xét về ông: "Ưu điểm của đồng chí là dũng cảm, mưu trí, dám nghĩ dám làm; đánh thắng giặc nhưng ít được học...".

Theo chủ trương của Tỉnh ủy, đoàn cán bộ của tỉnh Thủ Biên gồm 42 người trong đó có ông Kìa sẽ ra Bắc "học nâng cao trình độ để đạt kết quả công tác cao hơn". Vượt suối trèo non hàng ngàn cây số bằng nhiều phương tiện, cuối năm 1952 đoàn ra tới Bắc. Gặp Đại tướng Võ Nguyên Giáp, các ông kể lại chuyện đánh tháp canh, công đồn bằng chiến thuật đặc công, được Đại tướng khen là chiến thuật mới. Trong một lớp học chính trị ở vùng cao Đông Bắc, đoàn vinh dự được Bác Hồ đến động viên, thăm hỏi. Hôm đến, Bác hỏi đoàn miền Nam ngồi ở đâu, rồi Bác bảo lên trên ngồi gần Bác để Bác có dịp gần gũi miền Nam. Đó là lần đầu tiên ông Hai Kìa được gặp Bác.

Kết thúc khóa học về chiến tranh du kích tại An toàn khu ở Việt Bắc, ông Hai Kìa được gặp Bác lần thứ hai và vinh dự được tặng thưởng 1 huy hiệu của Bác cùng bộ quân phục kaki mới vì thành tích học tập xuất sắc.

Cuối năm 1953, đoàn cán bộ tỉnh Thủ Biên này chuẩn bị vào Nam trở lại. Từ lúc này ông Hai Kìa có bí danh là **Hai Cà**. Tháng 7 năm 1954, vừa về đến chiến khu Đ, ông Hai Cà được cử làm Huyện đội phó Tân Uyên (nay thuộc tỉnh Bình Dương) rồi được phong làm Tiểu đoàn phó Tiểu đoàn B. Tiểu đoàn gồm 2 đại đội bộ đội địa phương, 1 đại đội binh công xưởng, 1 đại đội quân y.

Chỉ kịp gặp mặt vợ một lần thoáng qua, dặn vợ ở nhà không được để cho con đi lính nguy thì ông Hai Cà lại vội vã tập kết ra Bắc theo Hiệp định Giơ-ne-vơ. Trải qua suốt 4 năm học tập, lao động tại miền Bắc (1954 - 1957), trước tình thế đất nước bị chia cắt lâu dài, không thể thực hiện thống nhất như Hiệp định Giơ – ne –vơ, trong ông luôn đau đáu, khắc khoải, cồn cào 1 nỗi nhớ nhà, nhớ quê hương, “chỉ ước được như chim có đôi cánh bay về dù chỉ một ngày”. Nhưng nhờ chuẩn bị vững trước về tư tưởng chính trị, cộng thêm nhiệm vụ học tập nặng nề cũng giúp ông vơi bớt phần nào nỗi nhớ quê hương. Năm 1958, Sư đoàn Bộ binh 338 được thành lập, do tướng Tô Ký làm Sư đoàn trưởng. Sư đoàn này sau đó tách ra một bộ phận nâng lên thành Lữ đoàn 338; Còn lại 4 Trung đoàn gồm Trung đoàn 1 (phiên hiệu 656), Trung đoàn 2 (phiên hiệu 658), trung đoàn 3 (phiên hiệu 660) và trung đoàn 4 (phiên hiệu 664) tham gia hoạt động sản xuất. Ông Hai Cà được đề cử giữ chức Tham mưu trưởng kiêm quyền Trung đoàn trưởng kiêm Bí thư Đảng ủy Trung đoàn 1. Cũng trong năm này, Quân đội ta tổ chức đợt phong quân hàm đầu tiên cho lực lượng vũ trang và ông Hai Cà vinh dự được phong hàm đại úy.



*Đặc công cắt hàng rào dây thép gai của địch trong kháng chiến (Nguồn: quocphonganninh.edu.vn)*

Tháng 10 năm 1960, ông được điều động về công tác tại Trường huấn luyện cán bộ miền Nam. Lúc này ông Hai Cà lại chuyển từ công tác sản xuất sang công tác huấn luyện bộ đội chiến đấu, chuẩn bị lực lượng chủ lực khung cho chiến

trường miền Nam. Kết thúc khóa học, ông lại được vinh dự gặp Bác Hồ thêm một lần nữa khi đoàn huấn luyện của ông chuẩn bị về Nam. Bắt tay ông, Bác nói: "Các chú lên đường trở về Nam vui vẻ, bình an, chiến thắng. Bác gửi lời thăm đồng bào, chiến sĩ Nam Bộ".

Những lần gặp Bác, được Bác thăm hỏi, chỉ dạy ân cần, ông Hai Cà không bao giờ quên. Ông đã mang những lời dạy của Bác vào nhiệm vụ công tác của bản thân để răn mình luôn hoàn thành nhiệm vụ tổ chức giao phó để rồi làm nên những chiến công lẫy lừng từ chiến thắng sân bay Biên Hòa, đốt cháy tổng kho Long Bình đến lãnh đạo gần 4.000 nam, nữ thanh niên đảm bảo công tác hậu cần cho chiến trường miền Nam trong suốt thời kỳ kháng chiến chống Mỹ.

### III. Đoàn trưởng hậu cần mưu trí

Nhắc đến Đại tá Trần Công An, người ta thường nhắc đến ông với những chiến công vang dội cùng cách đánh đặc công độc đáo. Ít ai biết rằng, ông không chỉ giỏi trên mặt trận trực tiếp cầm súng đánh giặc mà còn hoàn thành xuất sắc vai trò người lãnh đạo trên mặt trận sản xuất, phục vụ công tác hậu cần trong chiến tranh bảo vệ tổ quốc. Cuộc đời ông đã đi suốt chiều dài qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ vĩ đại cùng quân, dân Biên Hòa. Có thể khẳng định rằng, với bất kỳ nhiệm vụ công việc nào được giao, ông cũng thực hiện bằng cả tấm lòng yêu nước nồng nàn, không vụ lợi, luôn hoàn thành xuất sắc công việc. Ông chính là biểu tượng sinh động, cụ thể, đại diện cho những lớp người nông dân Việt Nam: trong thời bình thì hiền hậu, chất phác, siêng năng chăm chỉ làm ăn nhưng khi đất nước lâm nguy thì sẵn sàng xung trận với trái tim yêu nước nồng nàn, cháy bỏng. “Quốc gia lâm nguy, thất phu hữu trách”, chỉ với tình yêu nước và lòng căm thù giặc sâu sắc, từ anh nông dân hai lúa, chưa qua một trường lớp huấn luyện quân sự nào nhưng ông đã sáng tạo, tìm tòi phát kiến ra cách đánh giặc “có 1 không 2” tạo nên những chiến thắng lẫy lừng. Để rồi khi trở về với công tác sản xuất hậu cần, lãnh đạo “đội quân lá bép”, phần lớn xuất thân từ nông dân, thoát li cách mạng phục vụ kháng chiến, ông lại âm thầm làm nên những kỳ tích cho riêng mình.

Sau hơn 5 tháng hành quân, nhờ công tác giữ bí mật tốt nên ngày 20-7-1961 đoàn của ông Hai Cà an toàn về tới Trung ương Cục ở Tà Be - Mã Đà. Trên có ý định giữ ông ở lại Cục để sản xuất, dự trữ lương thực cung ứng cho bộ đội. Nghe phân công vậy, ông cự: "Tôi dẫn khung trung đoàn về đây với nguyện vọng là đánh giặc. Chứ nếu sản xuất thì tôi làm Chủ tịch Nông trường Chi Nê, Lạc Thủy (tỉnh Hòa Bình) chớ về đây làm chi". Cự, nhưng ông vẫn phải chấp hành lệnh và nghiêm túc thực hiện với tinh thần trách nhiệm cao nhất.

Trong chiến tranh, công tác sản xuất, công tác hậu cần là nhiệm vụ khó khăn đặc biệt. Nó là túi lương thực đảm bảo cho tiền tuyến “ăn no” yên tâm đánh giặc. Tuy nhiên, đây là công tác thầm lặng, ít ai biết, việc đảm bảo đủ lương thực cho lực lượng bộ đội, du kích cả chiến trường Đông Nam bộ có đủ cái ăn nhất là trong điều kiện muôn vàn khó khăn thời kỳ chiến tranh do sự phá hoại của kẻ thù quả là điều không dễ dàng.

Nhận nhiệm vụ mới với 6 cơ sở quanh chiến khu Đ và 200 quân, đơn vị sản xuất của ông lấy phiên hiệu U.50. Đầu năm 1962, đơn vị ông nhận thêm 200 quân của Miền giao nhưng ngặt nỗi 60% quân số là nữ, số nam thanh niên còn lại có lý lịch không tốt. Vì vậy, nhiệm vụ của ông cùng Đảng ủy đơn vị là hết sức nặng nề khi nhận trách nhiệm phải giáo dục chính trị tư tưởng tốt để họ ổn định sản xuất.

Cái này tưởng dễ mà khó bởi tâm lý ai thoát li gia đình đi kháng chiến cũng đều mong muốn được trực tiếp cầm súng chiến đấu giết giặc cứu nước, giờ “biểu họ đi sản xuất nương rẫy, ăn ở thiếu thốn, ai thích”. Tuy nhiên, nhờ giảng giải có lý, có tình nên tất cả tân binh mới đều vui vẻ, an tâm làm nhiệm vụ. Sau năm đầu, đơn vị ông đã mở rộng diện tích canh tác từ 40 mẫu lên 250 mẫu. Lương thực trồng ra gồm lúa, mì, bắp sản lượng không những đủ ăn mà còn dư thừa để cấp phát cho các đoàn công tác ngang qua. Dụng cụ sản xuất khi ông mới bắt đầu về nhận nhiệm vụ thiếu đủ đường nhưng 1 năm sau đã có đủ sản xuất cho cả ngàn mẫu đất.



*Con đường mang tên ông tại TP.Biên Hòa*

Bước sang đầu năm 1963, ông Hai Cà được cử phụ trách Bí thư kiêm đoàn trưởng Đoàn U.81 hậu cần kiêm đảng ủy viên hậu cần Miền. Trước yêu cầu phải có đủ gạo dự trữ đảm bảo để nuôi quân chủ lực, ông Hai Cà hết sức băn khoăn vì lực lượng hậu cần vẫn phải vác gạo di chuyển thủ công bằng sức người và xe bò. Làm như vậy, “nuôi mình và đường dây ăn còn chưa đủ, chớ đừng nói tới nuôi chủ lực”. Ông nảy sinh sáng kiến cho lực lượng du kích ra đường 14 tổ chức đánh chặn, lấy xe Reo (một loại xe vận tải) về đóng thùng chở gạo; lấy xe ủi về mở đường; đồng thời trên đường vận chuyển lương thực của quân kháng chiến từ chiến khu ra vùng xung quanh, tổ chức đặt kho dự trữ ở giữa đường. Với cách làm trên, đến cuối năm 1963, đoàn U.81 đã có trong tay trên 1.000 tấn gạo còn bắp, mì thì nhiều vô số kể. Đối với thực phẩm tươi như thịt, đơn vị ông cho mở rộng đàn heo bằng cách với số tiền được cấp phát mua heo giống về thả ra rừng để tăng đàn. Ngoài ra tranh thủ nguồn lợi thủy sản sẵn có trong rừng, tổ chức đánh bắt cá phơi khô làm thức ăn lâu dài. Bằng những cách làm sáng tạo, huy động đoàn kết trong

toàn đơn vị, đoàn U.81 đã sản xuất tốt mọi mặt, đời sống cán bộ, chiến sĩ đảm bảo. Mặc dù sản xuất ổn định nhưng trách nhiệm của người đứng đầu với công việc, mỗi quý, ông Hai Cà lại dành một tháng đi kiểm tra lần lượt tất cả đại đội sản xuất, về nhà sơ kết, uốn nắn chỉ đạo nơi làm chưa tốt. Hiệu quả sản xuất cao khiến chị em phụ nữ trong đoàn U.81 vẫn được mọi người gọi yêu “con gái ông Hai Cà”.

Dưới tài thao lược của đoàn trưởng Hai Cà, phục vụ cho hoạt động trữ gạo và nhu yếu phẩm cho chiến trường, đoàn U.81 có tới 6 chiếc xe Reo, 1 máy ủi, 2 đại đội vận tải, 1 đại đội thu mua, 1 trung đội lái xe. Ngoài ra, U.81 có xưởng sửa chữa vũ khí, sản xuất mìn định hướng ĐH.10, giữ và bảo vệ kho súng đạn ở Bàu Lùng. Đoàn còn có 3 bệnh viên quân y, sau này mở trường đào tạo y tá, y sĩ, dược sỹ.

Không những vậy, nắm rõ phương châm dựa vào dân kháng chiến, đoàn của ông còn hỗ trợ đồng bào dân tộc ít người trong khu kháng chiến muối, gạo và hướng dẫn họ làm nương rẫy. Đồng thời nhờ bà con đảm bảo an ninh, phòng gian, phòng gián từng khu vực. Mọi quan hệ quân dân được ông xây dựng tốt đẹp, nên “bà con sẵn lòng san sẻ chút gạo, nắm rau, miếng thịt rừng nuôi mấy con nhỏ”.

Cuối tháng 8 đầu tháng 9 năm 1963, lực lượng mạnh và hiện đại của Sư đoàn 18 ngụy mở trận càn lớn vào chiến khu Đ. Với mục đích lung lạc đánh phá kho tàng vùng căn cứ, phá hoại mùa màng của người dân hỗ trợ chính sách áp chiến lược trong kế hoạch Xtalay – Taylo, bộ binh địch với sự yểm trợ của máy bay quân sự, xe tăng, thiết giáp, pháo binh đổ bộ từ Đồng Xoài vào vùng căn cứ kháng chiến. Để đối phó lại, Đại đội 9 cơ động của U.81 đã chôn mìn đánh xe tăng và dùng mìn ĐH.10 đánh chặn bộ binh địch. Bên cạnh đó, khi chúng tiến vào kho, xưởng thì các đơn vị sản xuất, vận tải sẵn sàng chiến đấu, đánh trả quyết liệt khiến chúng phải nhanh chóng thoái lui sau 1 tháng tổ chức càn. Kết quả, U.81 vẫn giữ vững hệ thống kho tàng, bệnh viện, trạm xá; tổn thất vật chất và sinh lực không đáng kể.

Tuy nhiên, bản thân đoàn trưởng Hai Cà cũng hết sức suy nghĩ khi chứng kiến cảnh thiếu thốn lương thực phải ăn rau rừng thay cơm của lực lượng kháng chiến lúc địch tổ chức càn quét, chặn đường tiếp tế dù lương thực dự trữ nhiều. Ông thấy, trách nhiệm của đoàn hậu cần U.81 là bảo vệ căn cứ, phát triển sản xuất nhưng nếu cứ để địch đánh vào thì quá thụ động chi bằng chủ động tổ chức đánh địch trước để mở rộng vùng kháng chiến. Nghĩ là làm, ông bàn với anh em trong đoàn cùng lực lượng địa phương T.1 tổ chức phá áp chiến lược, lấy súng, liên tiếp đánh sập bót 11 khu vực Bù Na, bót Tà Lại, bót Bình Mỹ... Những trận thắng này tuy không thu nhiều vũ khí nhưng có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo giao thông thông suốt, an toàn giữa vùng kháng chiến với nhân dân và khu miền Đông.

Sau trận càn của địch, bên cạnh việc tổ chức đánh địch, đảm bảo giao thông an toàn, đoàn U.81 thực hiện nhiệm vụ khôi phục hoạt động sản xuất. Có một điều hết sức thú vị, trong vai trò trưởng đoàn hậu càn, Đoàn trưởng Hai Cà đánh đầu thắng đậy, sản xuất đầu tốt đậy nhưng ông lại không hề biết cách tính khối lượng sản phẩm lương thực đơn vị làm ra. Mãi sau này, theo chỉ dẫn của cấp trên, ông mới “vỡ ra” cách ước tính sản lượng theo gốc mì để có căn cứ sản xuất chính xác hơn.

Sang năm 1964, quân số đoàn U.81 tăng lên 2.500 người (nhưng chỉ có 1.000 là nam giới), đơn vị được phát thêm 200 mẫu rẫy mới cộng với 1.000 mẫu khoai mì cũ. Đơn vị của ông được giao trách nhiệm cấp gạo dự trữ cho bộ đội trên đường hành quân mở chiến dịch Bình Giã. Cuối năm 1964, đoàn hậu càn U.81 từ sản xuất chuyển nhanh sang chiến đấu, đồng thời lực lượng của đoàn cũng chia thành nhiều đơn vị có chức năng khác nhau.

Tại hội nghị hậu càn năm 1964, tướng Trần Văn Trà, Tư lệnh Quân giải phóng Miền đã phải khen đoàn trưởng Hai Cà có tư tưởng chủ lực mạnh và sau này Bí thư Trung ương Cục miền Nam Phạm Hùng cũng phải nhắc nhở “phải học tập cha Hai Cà, ở rừng mà heo đầy đàn, mì đầy rẫy, kho đầy gạo”. Cũng tại hội nghị này, nhờ tướng Lê Đức Anh biết tài đánh "đặc công" và là “thổ thần” ở Biên Hòa của Hai Cà nên đã can thiệp cử ông xuống Biên Hòa đánh trận.

Tháng 5 năm 1973, sau trực tiếp tham gia có, chỉ huy bộ đội các đơn vị đặc công đánh có liên tiếp giành những thắng lợi vang dội trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, ông Hai Cà lại được Cục tham mưu Miền giao làm Trưởng phòng công tác hậu càn. Lần này thì ông chấp hành ngay không thắc mắc bởi tin tưởng ở sự chỉ đạo của Trung ương Cục và Quân ủy Miền. “Là anh nông dân đi kháng chiến, làm nhiệm vụ nào thì cũng về vàng”. Nhiệm vụ của ông cùng đơn vị mới lúc này là chỉ đạo quân chủ lực, bộ đội địa phương tự túc sản xuất trong vòng 3 tháng, đảm bảo có lương thực chuẩn bị cho chiến dịch cuối cùng.

Đầu năm 1974, ông Hai Cà được phong Tư lệnh phó đoàn hậu càn 600, có nhiệm vụ ra Bắc huy động nhân, tài, vật lực để phục vụ cho chiến dịch lớn ở miền Nam. Đến cuối năm 1975, ông Hai Cà lại được Bộ Tư lệnh Miền phân công thành lập Đoàn La Ngà, gồm quân số của 6 trung đoàn: Đoàn hậu càn 220, 230, Trung đoàn Đặc công 116, Trung đoàn 4, Trung đoàn 5. Đoàn La Ngà có nhiệm vụ vừa tự túc sản xuất vừa đánh bọn Fulro, bảo vệ biên giới các tỉnh thuộc Quân khu 7 và Quân khu 5. Khi chiến tranh biên giới Tây Nam nổ ra, Bộ chỉ huy Đoàn La Ngà chuyển thành Bộ Tư lệnh mặt trận 479 và đưa qua Campuchia. Ông Hai Cà được



điều động về Cục xây dựng kinh tế Quân khu 7, phụ trách quyết toán sản xuất cho đoàn La Ngà. Và đến năm 1980 thì ông nghỉ hưu khi bước vào tuổi 60.

Vậy là cả cuộc đời ông đã cống hiến cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Trải qua hai cuộc kháng chiến, dù trong bất kỳ hoàn cảnh nào, gian khổ đến mức phải ăn rau cầm hơi nhiều ngày, Đại tá Trần Công An vẫn luôn nghiêm túc thực hiện nhiệm vụ với kết quả tốt nhất. Với lòng yêu nước nồng nàn, ý chí căm thù giặc sâu sắc, với ông nhiệm vụ nào thì cũng đều vinh dự vẻ vang, cần phải hoàn thành xuất sắc cả.

#### **IV. Trực tiếp chỉ huy những trận đánh rung chuyển nhà trắng**

Như đã từng đề cập, cuối năm 1964 sau thời gian làm công tác hậu cần, nhờ tướng Lê Đức Anh can thiệp, ông Hai Cà lại trở về đánh giặc. Về Biên Hòa trực tiếp tham gia đánh trận, có thể ví ông Hai Cà như cá gặp nước, lại có cơ hội vẫy vùng. Lần này ông được giao nhiệm vụ hết sức nặng nề ở địa bàn khó khăn, nguy hiểm hơn bởi tình hình đã có nhiều thay đổi, phải dùng lực lượng nhỏ, tinh nhuệ làm mũi nhọn thọc sâu, đánh phủ đầu và đối đầu trực tiếp với địch. Đây được ông xem là bước ngoặt lớn thứ 3 trong đời. “Tôi và 50 đồng đội hào hứng ra trận”.

Tháng 2 năm 1965, Khu ủy miền Đông ra chỉ thị thành lập Thị đội Biên Hòa, đoàn trưởng hậu cần Hai Cà giờ được giao làm Thị đội trưởng. Thị đội Biên Hòa lúc này có nhiệm vụ nghiên cứu đánh vào hậu cứ địch với các mục tiêu được xác định cụ thể: kho tàng, sân bay Biên Hòa, cầu, ty cảnh sát... kết hợp tổ chức cơ sở du kích mật trong nội ô nắm tình hình, đồng thời tham gia diệt ác phá kềm ở vùng ven tạo căn cứ làm bàn đạp; xây dựng lực lượng cơ sở chính trị vững chắc làm nền để bám trụ chiến đấu. Ở khu công nghiệp Biên Hòa, Thị ủy phải lãnh đạo công nhân, lao động đấu tranh đòi quyền dân sinh dân chủ; trong nội ô thì đẩy mạnh công tác binh vận, chống bắt lính và lựa chọn thành phần cốt cán cho phong trào đấu tranh đô thị.

Lúc này, trong vai trò là Thị đội trưởng thị đội Biên Hòa, vừa trực tiếp tham chiến, ông vừa là người lập kế hoạch tác chiến, chỉ huy chiến sĩ đặc công tung “những cú đâm tử thần” vào các căn cứ tương chừng bất khả xâm phạm của quân đội Mỹ.

##### **IV.1 Chỉ huy đánh sân bay Biên Hoà lần thứ nhất**

Trước yêu cầu thực hiện nhiệm vụ mới, Thị đội Biên Hòa chia làm 3 đội: trong đó 1 đội chuẩn bị đánh sân bay Biên Hòa, 1 đội chuẩn bị đánh cầu xa lộ và 1 đội chuẩn bị đánh cầu Hóa An. Số còn lại phụ trách giao liên, hậu cần, liên lạc, quân y... Căn cứ Thị đội đặt tại suối Đá Mài (Bà Bưởi, Phước Cang). Lúc này chiến sự bắt đầu khốc liệt. Trước nguy cơ phá sản hoàn toàn chiến lược chiến tranh đặc biệt, Mỹ tăng quân ồ ạt, chuyển sang thực hiện chiến lược chiến tranh cục bộ. Quân cách mạng mở nhiều chiến dịch và đánh thắng giòn giã ở chiến trường Ba Gia, Đèo Nhông, Bình Giã, Plây-me, Đức Cơ, Đồng Xoài...

Những năm 1965, thực hiện chiến lược chiến tranh cục bộ, miền Đông Nam bộ đã trở thành căn cứ hùng hậu của quân đội Mỹ với các sư đoàn bộ binh số 1 “Anh cả đỏ”, sư đoàn bộ binh cơ giới số 25 “Tia chớp nhiệt đới”, tổng kho liên hợp

Long Bình, sân bay quân sự Biên Hòa... Để bảo vệ những trọng điểm này, quân đội Mỹ ngoài sử dụng biệt kích tinh nhuệ còn có các phương tiện điện tử hiện đại kết hợp cùng “truyền thống” như chó béc giê, ngỗng, rắn và hàng chục lớp rào thép, bẫy mìn. Ban đầu chúng đã huênh hoang tuyên bố: “Con chuột nhắt mà muốn vào được những nơi này cũng phải xin phép lính Mỹ”.

Tuy nhiên, với một đất nước của “những người chưa bao giờ khuất”, nơi sinh ra chí trai chân cứng đá mềm thì tất cả những mưu đồ đen tối của quân cướp nước cũng đều bị hoá giải. Bằng chứng là trước những “cú đấm tử thần” của bộ đội đặc công đã buộc chúng phải đổi lại câu nói “những nơi này đã bị Việt cộng bỏ túi”.

Ông Hai Cà kể, càng về sau kỹ thuật bố phòng quân sự càng hiện đại, đặc biệt là quân đội Mỹ. Tuy nhiên, người lính đặc công không có giới hạn cuối cùng nào là không thể vượt qua, mà đôi khi những bài học xương máu này lại được nhân dân chưa bao giờ cảm sung truyền dạy. Chính đồng bào đã chỉ ông cách “làm ngỗng phải phục đầu” bằng những vốc hành giả mùi rắn hổ. Còn chó béc giê thì có rất nhiều cách để qua mặt như tắm rửa thật sạch, phơi sương, xoa bùn, thậm chí tắm cả loại xà bông lính Mỹ hay dùng. Đặc biệt, đặc công còn biết nướng thịt bò tắm bơ theo đúng kiểu Mỹ rồi nhẹ nhàng thả vào cho chó táp. Hàm răng vừa ngấp vào miếng thịt thì chớp mắt một mũi dao găm đã hạ gục chúng trong khi chúng còn chưa kịp sửa tiếng nào.

Thực hiện chủ trương chỉ đạo đánh vào khu trọng yếu của Mỹ ở Biên Hòa của Miền, Thị đội Biên Hòa lên kế hoạch chọn sân bay Biên Hòa là mục tiêu tấn công. Để đảm bảo kế hoạch đánh địch thắng lợi và thực hiện tốt yêu cầu nhiệm vụ mới, Thị đội trưởng Hai Cà một mặt chỉ đạo cơ sở mật lấy cấp bản đồ sân bay Biên Hòa để xác định vị trí nơi máy bay đậu, kho, bồn xăng, sở chỉ huy, đài quan sát... mặt khác đích thân ông trực tiếp lăn lộn trên chiến trường, tham gia điều nghiên “sờ tận tay, nhìn tận mắt” các điểm mục tiêu. Nhiều lúc thấy nguy hiểm, đồng đội ngăn ông lại nhưng là thủ trưởng “tôi phải nắm chắc địa bàn” thì mới có thể chỉ đạo thích hợp, đảm bảo đánh trúng khi nghe trinh sát sau này báo cáo, ông Hai Cà khẳng định.

Đầu tháng 5 năm 1965, Lữ đoàn 173 của Mỹ đổ quân vào Biên Hòa, tiếp theo là 1 tiểu đoàn lính Úc, 1 đại đội pháo Tân Tây Lan. Địch nhanh chóng xây dựng Tổng kho Long Bình, sân bay Biên Hòa thành kho tàng lớn nhất trên chiến trường miền Nam. Đồng thời tiến hành nhiều đợt càn quét nhằm đẩy lực lượng kháng chiến vào sâu trong rừng. Những vị trí đặt pháo trước kia của ta trong trận đánh vào sân bay Biên Hòa cuối năm 1964 nay trở thành vị trí đặt pháo của địch.

Về phía ta, Bộ chỉ huy Quân sự Miền xác định sân bay Biên Hòa là mục tiêu tấn công quan trọng nhất. Thực hiện chủ trương của Miền sẽ tổ chức trận pháo kích thứ 2 vào sân bay Biên Hòa với quy mô, số pháo và đạn lớn gấp 3 lần trận đầu. Quân đặc công của Thị đội trưởng Hai Cà có nhiệm vụ bò vào sân bay trinh sát tọa độ, mục tiêu, đưa lên bản đồ. Sau khi nhận thấy các vị trí đặt pháo gần đã bị địch sử dụng, nếu đặt pháo khác vị trí xa hơn thì e rằng pháo sẽ khó bắn chính xác vào mục tiêu. Ông Hai Cà đề nghị, chuyển trận địa pháo qua phía Tây Nam sân bay Biên Hòa; hệ thống pháo đặt kéo dài từ trại cát Hóa An lên đến đồi Khánh Vân. Cụ thể, tại điểm Hóa An sẽ đặt 2 khẩu cối 82 mm, ga Bình Trị đặt 2 khẩu ĐKZ.75, đồi Khánh Vân đặt 2 “hoàng tử lưng gù” – sơn pháo 75 mm, bìa sông xã Thạnh Hội đặt 2 sơn pháo 75 mm, ngoài ra còn có 1 trận địa pháo 2 khẩu ĐKZ.75 ở hóc Bàu Hang, ngay sát nách sân bay, một trận địa giả ở Tân Tịch.



*Lực lượng trinh sát đặc công trong kháng chiến.*

Phương án đánh trận được thông qua, tuy nhiên khó khăn lúc này là làm sao đưa pháo an toàn vào đến trận địa. Với sự trợ giúp tích cực từ du kích và nhân dân yêu nước trong vùng, sau 3 ngày, pháo cũng được đưa về trận địa an toàn. Ngày 20 – 8 - 1965, đích thân tướng Chu Huy Mân chỉ huy trận địa pháo. Đúng 0 giờ ngày 23 – 8 - 1965 pháo ta đồng loạt nã dòn đập 300 quả đạn trong 15 phút vào các mục tiêu trong sân bay đã được đặc công Hai Cà chăm trước. Lửa trong sân bay bốc cao sáng rực một vùng. "Còi báo động sân bay hụ inh ỏi, cách xa hơn 2 cây số tôi còn nghe thấy", đại tá Trần Công An kể lại.

Kết quả trận này địch bị hư, cháy 68 máy bay các loại, 21 bồn xăng bị thiêu hủy, 8 dàn tên lửa đất đối không và 30 xe cam nhông bị đánh hỏng; khoảng 300 quân địch bị thương vong. Lại một lần nữa, quân Mỹ choáng váng trước sức tiến công bất ngờ, táo bạo của quân ta. Sau trận đánh này, các đơn vị quân giải phóng được thưởng Huân chương Chiến công giải phóng hạng nhì; riêng ông Hai Cà được tặng thưởng Huân chương Chiến công giải phóng hạng ba.

## **IV.2 Tổ chức lập vành đai diệt Mỹ**

Những tháng cuối năm 1965, Mỹ mở rộng chiến tranh với cường độ ngày càng cao và quyết liệt hơn. Đầu tháng 9 năm 1965, Trung ương Cục và Quân ủy Miền quyết định thành lập một đơn vị chiến trường tương đương cấp tỉnh lấy tên U1, bao gồm thị xã Biên Hòa, huyện Vĩnh Cửu. Một số xã của huyện Long Thành cũng được cắt về Biên Hòa để mở rộng địa bàn. Bí thư U1 là đồng chí Nguyễn Văn Trị (Năm Hà). Ông Hai Cà là ủy viên thường vụ kiêm chỉ huy trưởng quân sự. Căn cứ U1 đặt tạm tại Bàu Lùng (phía sau núi Gang Tới). Nhiệm vụ của đặc công U1 là nhanh chóng xây dựng phát triển lực lượng, huấn luyện nâng cao kỹ thuật chiến đấu, chống càn xây dựng bàn đạp tiến công các vị trí quan trọng của địch như Sân bay Biên Hòa, Tổng kho Long Bình và hỗ trợ phong trào quần chúng đánh phá bình định, phát triển chiến tranh nhân dân trên địa bàn (Địa chí Đồng Nai – Tập 3 Lịch sử, tr.319). Vì vậy sau khi tổ chức đánh sân bay Biên Hòa giành thắng lợi, tổng kho Long Bình là mục tiêu thứ 2 được lực lượng đặc công Biên Hòa chọn đánh.

Nhận nhiệm vụ mới, để chủ động lãnh đạo lực lượng vũ trang Biên Hoà chủ động đối phó với âm mưu mới của địch. Dựa trên những kinh nghiệm chiến đấu trong thời gian trước đó, nhận thấy rằng tuy đế quốc Mỹ tung tiền của và vũ khí hiện đại vào chiến trường miền Nam Việt Nam nhiều nhưng không hề đáng sợ. Tỉnh đội trưởng Hai Cà cho tổ chức nhiều hoạt động đánh địch ở 3 hậu cứ và ngay cả trung tâm thị xã Biên Hoà. Đồng thời trên cơ sở nhận định có thể địch sẽ tổ chức càn quét vùng căn cứ kháng chiến, ông cho lực lượng huấn luyện kỹ thuật tác chiến, chờ địch đến là đánh. Đúng như phán đoán của Tỉnh đội trưởng Cà, ngày 11 – 11 – 1965, Lữ đoàn 173 của Mỹ với sự yểm trợ của pháo, máy bay chiến đấu đã tổ chức càn quét khu vực đồi C4, gần căn cứ U.1. Do chủ động chuẩn bị từ trước, lực lượng vũ trang Biên Hoà đã đẩy lùi cuộc hành quân của Mỹ, đồng thời còn tiêu hao nhiều sinh lực địch, khiến chúng khiếp sợ tháo chạy.

### **IV.2.1 Chỉ huy đánh Tổng kho Long Bình**

Trước âm mưu mở rộng chiến tranh xâm lược trên chiến trường miền Nam của Mỹ, đồng thời thực hiện chủ trương của Trung ương Cục và Quân uỷ Miền, mục tiêu Tổng kho Long Bình được Tỉnh đội trưởng Hai Cà mạnh dạn xác lập. Sau khi nghe ông Hai Cà đề xuất "đánh" mục tiêu này, tướng Trần Văn Trà suy nghĩ một chút rồi gật đầu đồng ý. Lí do mà ông chọn đánh tổng kho Long Bình chỉ đơn giản là nhớ câu chuyện vua nước Tàu vì để kho lương cho chuột ăn hết mà tự thua.

Tổng kho Long Bình rộng khoảng 40 km<sup>2</sup> - kho đạn dự trữ lớn nhất của Mỹ ở miền Nam Việt Nam – nơi được quân đội Mỹ mệnh danh là “dạ dày khổng lồ của chiến tranh xâm lược Việt Nam”. Ngoài ra, trong Tổng kho Long Bình có Bộ Tư lệnh dã chiến II của Mỹ, Bộ Tư lệnh hậu cần số 1. Lực lượng Mỹ - nguy tập trung thường xuyên lên đến 2.000 tên. Ở đây, địch tổ chức phòng thủ hết sức chặt chẽ, chung quanh là hàng rào dây thép gai dày 7 – 12 lớp có gài mìn trái. Các lô cốt tiền duyên cách nhau 30 – 40m nằm cách lớp rào cuối cùng 40 – 50m. Bên trong có nhiều tuyến hào nối các lô cốt, hai bên đường đi lại đều rải hàng rào kẽm gai. Hai khu quan trọng của tổng kho là kho đồi 50 và 53 (Địa chí Đồng Nai – Lịch sử, tr.321). Ông Hai Cà kể lại, riêng khu để bom đạn rộng hàng chục km<sup>2</sup>. Mỗi dãy bom hoặc đạn pháo chất cao 5m, dài 30m, rộng 15m.

Nói đánh thì dễ nhưng vấn đề gay go nằm ở chỗ nếu dùng lựu đạn, bộc phá đánh kho đạn, đạn nổ thì làm sao bò ra cho kịp? Và lại đánh như vậy không biết có làm chết đồng bào không? Suy tính “nát nước” tìm phương án phù hợp, cuối cùng ông và đồng đội quyết định chọn cách dùng đồng hồ gài kíp mìn hẹn giờ. Khó khăn thứ hai là tìm đâu ra lượng thuốc nổ đủ để gây thiệt hại lớn cho địch. Vì lượng thuốc nổ mà ông xin Miền cấp thì anh cán bộ tham mưu mang về, do không hiểu ý nên đã đem hết ra đánh sập các cầu để ngăn địch hành quân lên. Để có thuốc nổ, ông hiến kế tìm bom lép chưa nổ, cưa lấy thuốc. Bài toán về thuốc nổ được giải quyết nhưng ngặt nỗi trong đội chưa ai làm kiểu mìn này bao giờ, sợ thuốc nổ bị kích ầu, nổ bất tử. Nhưng rồi các ông cũng "mò" ra được cách chế tạo loại mìn để đánh. Đó là cho thuốc sau khi được làm nhuyễn lèn chặt vào một cái thùng mỡ loại 10 ký rồi dùng lõi tạo vị trí gắn kíp điện và kích nổ từ xa. Sau nhiều lần thí nghiệm, phương án cũng thành công. Đêm 22 rạng sáng 23 – 6 - 1966, tổ đặc công 6 người do các ông Nguyễn Văn Vàng và Tư Thái chỉ huy, với quyết tâm chết cũng đánh đã mang theo 4 trái mìn tự tạo (mỗi trái 10 ký thuốc nổ) đột nhập vào kho 50 của Tổng kho Long Bình. 4 trái mìn được đặt vào 4 góc phía trong của kho đạn. Dưới sức ép của thuốc nổ, cả kho đạn 50 Tổng kho Long Bình nổ dây chuyền, âm vang suốt từ 11 giờ khuya đến tận sáng hôm sau. Sức ép của kho đạn làm bật gốc hàng loạt cây cối trong vùng và làm bể kiếng nhiều nhà ở Sài Gòn, Biên Hòa. Sáng hôm sau, một nhà báo ở Sài Gòn đến tìm viên tướng chỉ huy Mỹ, hỏi: "Tại sao Việt cộng đánh mà các ông không biết"? Viên tướng này nói: "Nếu biết thì tôi đã là Việt

cộng...". Khi kết quả trận đánh này báo về Miền, Tỉnh đội U.1 đã được tặng thưởng Huân chương Quân công giải phóng hạng Ba và 4 Huân chương chiến công giải phóng.

Liên tiếp 3 tháng cuối năm 1966, Đại đội 2 đặc công U.1 còn mưu trí, táo bạo 3 lần đánh vào kho Long Bình, phá hủy 353 ngàn quả đạn pháo các loại. Đêm 3 – 2 - 1967, đặc công U.1 lại bí mật đột nhập đặt bom khu kho đòi 53 khiến 40 dây kho chất đầy 800.000 quả đạn pháo nổ tung kéo dài trong 3 ngày liên tiếp. Bộ Tư lệnh Miền gửi điện khen và tặng thưởng Huân chương Quân công hạng Nhất.

#### **IV.2.2. Đánh sân bay Biên Hòa lần 2**

Theo ông Hai Cà, thực hiện chiến lược chiến tranh cụ bộ trên chiến trường miền Nam, sân bay Biên Hòa được Mỹ - ngụy xây dựng thành sân bay quân sự hiện đại nhất Đông Nam á. Bộ Tư lệnh Miền chỉ thị cho U.1 tích cực đánh sân bay Biên Hòa để giảm bớt mức độ tập trung hỏa lực máy bay trên chiến trường; đồng thời tiêu hao sinh lực, làm lung lay tinh thần chiến đấu của kẻ thù.

Đặc biệt, tham gia trận đánh sân bay Biên Hòa lần này còn có cả ông Trần Văn Cao, con trai cả của Tỉnh đội trưởng Hai Cà. “Quân tử bất vị thân”, luôn giữ vững nguyên tắc trong chiến đấu không vì tình thân mà nể nang giao việc dễ nên với con trai mình ông càng nghiêm khắc. Trong quá trình tổ chức đánh sân bay, công việc nguy hiểm nhất là khi tiềm nhập, điều nghiên về địa bàn. Trước đó, có anh em đi điều nghiên đã bị chó béc giê Mỹ bắt sống. Giao trọng trách lớn cho con, ông chỉ biết bình tĩnh căn dặn con “cẩn thận và làm tốt”. Đêm ngày 10 – 4 – 1967, tổ điều nghiên sân bay do Trần Văn Cao chỉ huy vượt qua nhiều hàng rào, bãi mìn vào kho nắm thông tin về cách bố phòng hệ thống doanh trại, khu chứa máy bay, quy luật hoạt động tuần tra canh gác... Hôm sau tổ về báo cáo lại, nhận thấy thông tin chưa chính xác, tổ điều nghiên chưa nắm chắc vị trí đậu máy bay chiến đấu. Thông tin này vô cùng quan trọng bởi nếu nắm chắc thì pháo đánh vào chỉ cần bắn trúng 1 chiếc, lập tức sẽ cháy lan ra các máy bay khác, hiệu quả đánh cao. Ngoài ra, còn phải nắm lại thông tin về kho xăng, kho bom đạn vì từ sau trận đột kích của ta tháng 8 năm 1965, Mỹ đã có thay đổi trong vị trí.

Không bằng lòng với kết quả tổ điều nghiên mang về, ông ra lệnh phải thực hiện tiềm nhập lần thứ 2. Lần này, ông yêu cầu tổ điều nghiên phải tiến sát mục tiêu, nắm kỹ hơn, cụ thể hơn. Kể về trận đánh này, ông Hai Cà cho biết, dù bị thương vào chân phải do dính mìn, ông vẫn nhận được lệnh của cha phải bò sâu vào trong sân bay hơn nữa để nắm chắc tình hình. Nhờ quyết liệt chỉ đạo công tác



điều nghiên giúp nắm chắc thông tin về mục tiêu đã giúp cho pháo của ta bắn trúng kho chứa nhiên liệu, đốt cháy 2 triệu lít xăng dầu.

Có thể nói, trong các trận đánh phủ đầu của ta theo chủ trương của Khu ủy Miền vào các vị trí trọng yếu của địch trên chiến trường Biên Hòa trong chiến dịch chiến tranh đặc biệt và cục bộ những năm 1964 – 1967 như: kho tàng, sân bay... công đầu thuộc về lực lượng bộ đội đặc công Biên Hòa, trong đó có đóng góp rất lớn của "Tổ sư đặc công" Hai Cà. Những chiến công ấy, theo đánh giá của tài liệu lịch sử "đã làm rung chuyển Nhà Trắng" góp phần tạo nên thay đổi giữa thế và lực trên chiến trường miền Đông Nam bộ theo hướng có lợi cho quân giải phóng



*Đặc công ngày nay huấn luyện (Nguồn: [www.quocphonganninh.edu.vn](http://www.quocphonganninh.edu.vn))*

#### **IV.2.3 Tổng tiến công và nổi dậy năm 1968**

Tháng 12 năm 1967, Bộ Chính trị đề ra nhiệm vụ hết sức quan trọng sẽ thực hiện cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trên toàn miền Nam nhằm giành thắng lợi mang tính quyết định mặc dù lúc này trên chiến trường miền Đông Nam bộ, nếu so sánh tương quan lực lượng giữa ta và địch thì phía Mỹ có số lượng quân chủ lực cũng như lượng vũ khí hiện đại hơn, đông đảo hơn. Trung ương Cục miền Nam đề ra kế hoạch tổng công kích – tổng khởi nghĩa ở miền Nam với trọng điểm là Sài Gòn và chiến trường Đông Nam bộ.

Chiến trường Biên Hoà được xác định là địa bàn chiến lược quan trọng. Các mục tiêu tấn công gồm: sân bay Biên Hoà, Tổng kho Long Bình, ti cảnh sát Biên Hoà, chi khu Công Thanh và yếu khu Trảng Bom. Lực lượng tham chiến trên địa bàn U.1: Sư đoàn 5, 2 tiểu đoàn đặc công, đội biệt động U.1, 2 trung đội bộ đội địa phương huyện Vĩnh Cửu và Trảng Bom, mỗi xã có 1 tiểu đội du kích, ngoài ra còn khoảng 300 cơ sở mật.

Tướng Lê Đức Anh chỉ định Bộ chỉ huy và đảng uỷ mặt trận gồm: ông Trần Minh Tâm, Sư đoàn trưởng Sư đoàn 5 làm chỉ huy trưởng; ông Hai Cà là chỉ huy phó. Sau khi nhận nhiệm vụ, ông Hai Cà đã trực tiếp dẫn chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy đi nắm bắt tình hình địa bàn Biên Hoà.

Chiều ngày 24 – 12 – 1967, kế hoạch Tổng tiến công và nổi dậy trên địa bàn U.1 được thông qua. Công tác hậu cần gấp rút chuẩn bị. Điều hết sức đặc biệt, tham gia chiến dịch lần này có 2 con trai ông Hai Cà trong đó có tổ trưởng tổ thông tin Trần Văn Khía và một chiến sỹ báo vụ tham gia điều nghiên thông tin là anh Trần Văn Mum (16 tuổi). Nhưng trước ngày khai lệnh tổng tiến công 4 ngày, trong lần đến sở chỉ huy tiền phương đào hầm đặt điện đài, trên đường quay về chẳng may anh Trần Văn Mum loạt ổ phục kích của địch và hi sinh. Mặc dù Mum là đứa con trai được ông yêu nhất nhưng nén nỗi đau mất con luôn “vò xé tâm can” của người cha vào lòng, Chỉ huy phó Hai Cà tiếp tục bình tĩnh chỉ huy chiến dịch.

Chiều ngày 30-1-1968 (mùng 1 Tết Mậu Thân), Sư đoàn 5 cùng lực lượng đặc công U.1, lực lượng biệt động thị xã Biên Hoà, bộ đội các huyện Trảng Bom, Vĩnh Cửu cùng tập hợp về Biên Hoà ăn Tết và làm lễ xuất quân. Sau khi nghe thơ Bác động viên tinh thần cán bộ, chiến sỹ hạ quyết tâm thực hiện đợt Tổng tiến công và nổi dậy đúng qui định với mục tiêu kết quả cao nhất, đêm 31 – 1 – 1968, Sư đoàn 5 chia làm 2 cánh: cánh thứ nhất tiến vào Hóc Bà Thúc đánh sân bay Biên Hoà và Quân đoàn 3 nguy; cánh thứ 2 cùng sở chỉ huy tiền phương xuống Kê Sắt tiến công Bộ Tư lệnh dã chiến của Mỹ trong Tổng kho Long Bình. Riêng lực lượng biệt động thị xã và cán bộ phát động quần chúng vào ém trước trong nội ô, chờ bộ đội chủ lực đánh vào.

Các đơn vị pháo ĐKB, bộ đội địa phương và du kích ở hai huyện Vĩnh Cửu, Trảng Bom hành quân chiếm lĩnh trận địa trước giờ G. Cùng đêm 31 – 1, Tiểu đoàn 2 đặc công U.1 do ông Nguyễn Văn Thái chỉ huy đánh vào khu vực đồi 53 Tổng kho Long Bình, phá huỷ 127 dãy bom đạn.

Đúng 0 giờ ngày 1 – 2 – 1968, pháo ĐKB đặt ở 3 điểm: Tân Tịch, Thường Lang, Đồng Lách đồng loạt bắn dồn dập vào sân bay Biên Hoà, làm hiệu lệnh mở màn cuộc tiến công chung.

Đại đội đặc công U.1 cùng Đại đội 1 (Trung đoàn 4) bí mật đột nhập sân bay Biên Hoà, qua mặt lực lượng bảo an nguy dùng thủ pháo dù đánh hỏng từng máy bay chiến đấu. Tuy nhiên, do tương quan lực lượng giữa ta và địch quá chênh lệch nên lực lượng này sớm địch bị đánh bật ra ngoài. Quân số thương vong tương đối lớn. Đại đội đặc công Sư đoàn 5 tiến công phía Tây sở chỉ huy quân đoàn 3 cũng bị

đánh bật ra khỏi vị trí chiếm được. Mỹ - nguy tung máy bay trực thăng bắn xối xả đạn và rốc két vào các vị trí chiến đấu nhằm chặn đường rút lui của bộ đội ta. Các cánh tiến công khác cũng chịu thiệt hại nặng nề, buộc phải rút lui.

Mặc dù không giành được thắng lợi như mục tiêu ban đầu đề ra nhưng trong chiến dịch Tổng tiến công và nổi dậy năm 1968, mặt trận Biên Hoà đã có tác động rộng lớn đến toàn miền Nam làm Mỹ - nguy hoang mang khiến nhiều công chức 17 ngày sau mới dám trở lại làm việc, nhiều lính nguy về quê ăn Tết đã không trở về đơn vị. Biên Hoà đã góp phần chia lửa với toàn Miền.

Sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1968, ông Hai Cà lại cùng quân và dân Biên Hoà bước vào nhiệm vụ mới; vừa lo đối phó địch chống càn, vừa bám trụ giữ vững địa bàn chiến đấu; chuẩn bị thế và lực cho tình hình mới. Và khi thời cơ chín muồi, cả nước ta đã đồng lòng đứng dậy làm nên cuộc tổng tiến công mùa xuân lịch sử năm 1975, giang sơn thu về một mối.

Có thể nói, trong suốt hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ của quân, dân Biên Hoà, Đồng Nai có sự đóng góp không nhỏ của Đại tá Trần Công An. Từ anh lính mới tham gia kháng chiến cho đến lúc làm Tỉnh đội trưởng chỉ huy lực lượng vũ trang trong vùng, ông Trần Văn Cà đã không ngừng tìm tòi, sáng tạo xây dựng nên những cách đánh địch phù hợp để giành được hiệu quả cao nhất góp phần làm nên chiến thắng chung của toàn dân tộc. Đặc biệt chiến thuật đặc công do ông sáng tạo ra đã làm nên những chiến thắng oai hùng ở những nơi, những lực lượng tưởng như bất khả chiến bại như sân bay Cát Bi, Biên Hòa, Tân Sơn Nhất, Gia Lâm, Bạch Mai, Phú Thọ Hòa, Hội An, Tua Hai, Núi Thành, Hoài Đức, Bắc Ruộng, Long Bình, Đồng Dù, Thành Tuy Hạ, Nhà Bè, sừ quán Mỹ, Đắc Hà...

Kể từ lúc sinh ra năm 1920 cho đến lúc về với đất mẹ vào năm 2008, suốt cuộc đời chinh chiến của mình, Đại tá Trần Công An đã kinh qua rất nhiều vị trí công tác, từ anh xã đội trưởng du kích đến Tỉnh đội trưởng, chỉ huy lực lượng vũ trang tỉnh Biên Hòa, ông đã để lại nhiều ký ức khó quên trong mỗi người dân Đồng Nai mỗi khi nhắc về quá khứ. Những đóng góp của ông đã được Đảng và Nhà nước ghi nhận bằng những danh hiệu cao quý; bên cạnh rất nhiều huân chương quân công ông được tặng thưởng trong suốt quá trình chiến đấu, **năm 1996, ông đã được trao tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.**

## V. Đặc công – Đỉnh cao của học thuyết quân sự Việt Nam

*Đặc biệt tinh nhuệ  
Anh dũng tuyệt vời  
Mưu trí sáng tạo  
Đánh hiểm thắng lớn*

Kể từ khi được anh nông dân Hai Cà sáng tạo, hoàn thiện cho đến khi Binh chủng Đặc công ra đời (ngày 19-3-1967), cách đánh đặc công đã được bộ đội ta tận dụng triệt để, mang lại hiệu quả cao. Dù ra đời trong hoàn cảnh phải đấu tranh chống lại kẻ thù mạnh hơn rất nhiều lần, những lý luận ban đầu của tư duy quân sự được hình thành từ chiến tranh du kích, sự phát triển biện chứng của các quân binh chủng dựa trên cơ sở lực lượng chính quy và chiến tranh du kích đã hình thành các đơn vị tác chiến đặc biệt – các lực lượng đặc nhiệm (thực hiện công tác đặc biệt). Nhưng hiệu quả của nó đã khiến cho các lực lượng quân sự thiện chiến nhất phải kinh hoàng.

Đến nay, sau hơn nửa thế kỷ, cách đánh đặc biệt của dân tộc Việt Nam không còn nằm bó gọn trong khuôn khổ lực lượng bộ đội Việt Nam nữa mà còn được những chương trình huấn luyện của Team Six, SFC Thủy sĩ, GSG-9 của Đức, SBS Hải quân của Anh, Seal của Hải quân Mỹ, lực lượng Denphil, Vampel của Nga, học hỏi, phát triển. Theo Tạp chí Lực lượng đặc nhiệm bratishka (<http://www.bratishka.ru>) của Nga, có thể thấy được những dấu ấn rất đặc thù của Đặc công Việt Nam, đó là khả năng bí mật đột nhập, khả năng lặn sâu, khả năng phá hoại và tiêu diệt các mục tiêu quan trọng, khả năng sống còn trong môi trường đặc biệt khó khăn (rừng hoang nhiệt đới, đầm lầy, sông hồ, trên biển, trên sa mạc) với sức chịu đựng vượt ngoài sự tưởng tượng của con người.

Những đòn tấn công vào những nơi được canh giữ cẩn mật nhất, lực lượng đặc công phá hủy các sân bay quân sự, kho tàng, bến cảng, tiêu diệt các đoàn vận tải quân sự, ngăn chặn và gây tổn thất nặng nề các cuộc hành quân, đánh phá các căn cứ quân sự và bắt hoặc tiêu diệt các sĩ quan cao cấp trong quân đội Mỹ và Sài Gòn, thậm chí lực lượng Đặc công – Biệt động còn tiến hành các trận tập kích hỏa lực ngay giữa nội đô thành phố. Đặc công – biệt động đã biến miền Nam trở thành một chiến trường không có hậu phương và không có bất cứ một nơi nào an toàn cho quân đội Mỹ.

Từ cách đánh đặc công bộ kết hợp mìn FT phá tháp canh ban đầu, đến nay kỹ thuật đặc công đã được phát triển ra thành đặc công biệt động, đặc công nước, trên đường Trường Sơn huyền thoại còn có thêm lực lượng đặc nhiệm tác chiến trên

đường với nhiệm vụ chống các toán biệt kích phá hoại của quân đội Mỹ... Những thắng lợi của kỹ thuật đánh đặc công đã góp phần to lớn tạo nên chiến thắng cuối cùng của cả dân tộc Việt Nam. Trong hàng nghìn trận đánh của đặc công, mỗi trận có nét sáng tạo riêng, phần nhiều là dùng lực lượng nhỏ nhưng cũng có khi huy động hàng trăm chiến sĩ. Tuy nhiên tất cả đều mang tư tưởng bí mật, táo bạo tiến công, sử dụng mưu trí để lợi dụng sơ hở của địch mà đánh địch. Tổng kết toàn bộ thành tích của Đặc công quân đội nhân dân Việt Nam trong chiến tranh đã phá hủy 1.600 khẩu pháo, 30 giàn tên lửa, 9.000 xe quân sự, 2,7 triệu tấn bom đạn, 600 triệu lít xăng dầu; đánh chìm, đánh hỏng 400 tàu xuồng chiến đấu, hàng nghìn máy bay chiến đấu các loại.



*Đặc công ngày nay (Nguồn <http://www/quocphonganninh.edu.vn>)*

Thực tế lịch sử của Đặc công Việt Nam đã chứng minh con người là nhân tố quyết định thắng lợi trong chiến tranh. Phần tổng kết của sách *Lịch sử bộ đội Đặc công Việt Nam* cũng khẳng định: “Đánh quân địch có đầy đủ vũ khí, phương tiện hiện đại, Đặc công chỉ có những vũ khí hết sức thô sơ và kém hiện đại hơn chúng nhiều lần, nhưng với cách đánh đặc biệt và sự phát huy sáng tạo tài tình của cán bộ, chiến sĩ đặc công, vũ khí trang bị thô sơ, kém hiện đại đó đã làm cho quân địch thua đau. Điều đó chứng tỏ yếu tố con người là nhân tố quyết định thắng lợi”.



## VI. Đại tá Trần Công An trong mắt đồng đội, gia đình

- **Đại tá Dương Hòa Hiệp, Chính ủy Bộ CHQS tỉnh Đồng Nai:** tiếp tục phát huy truyền thống đánh giặc vẻ vang của chú Hai Cà

Truyền thống vẻ vang của lực lượng vũ trang (LLVT) tỉnh Đồng Nai đã sản sinh ra nhiều anh hùng dân tộc trong đó có thể kể đến như Nguyễn Phong Lưu – anh hùng tuyến lửa, Bùi Văn Hòa – 9 lần đánh Tổng kho Long Bình, anh hùng Bình Lộc – liệt sỹ Lê A... Đặc biệt, Anh hùng, Đại tá Trần Công An, bằng sự mưu trí của mình đã sáng tạo nên cách đánh đặc công đi vào huyện thoại quân sự Việt Nam thời hiện đại.



*Đại tá Dương Hòa Hiệp, Chính ủy Bộ CHQS tỉnh Đồng Nai*

Là thế hệ đi sau, kế thừa truyền thống cha ông qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, hình ảnh người anh hùng Trần Công An luôn là tấm gương sáng để lớp trẻ LLVT tỉnh nhà học tập, noi theo. Trong điều kiện kháng chiến gian khổ trên chiến trường Biên Hòa ác liệt, Đại tá Trần Công An đã cùng tập thể Ban chỉ huy Tỉnh đội Biên Hòa, sau này là U1 lãnh đạo, chỉ huy LLVT Biên Hòa đánh nhiều trận đánh lớn: tháp canh cầu Bà Kiên, tổng kho Long Bình, Sân bay Biên Hòa... gây cho địch nhiều thất bại nặng nề. Sau khi đất nước hòa bình, trong suốt thời gian nghỉ hưu, ông vẫn giữ vững phẩm chất tốt đẹp của người sĩ quan quân đội, tích cực tham gia các hoạt động đoàn thể, xây dựng mối đoàn kết trên địa bàn dân cư ông sinh sống.

Tiếp nối truyền thống anh hùng ấy, LLVT tỉnh ngày nay tiếp tục phát huy vai trò quan trọng trong công tác xây dựng lực lượng ngày càng cách mạng, tinh nhuệ, hiện đại, từng bước đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của thời bình. Trong đó có làm tốt công tác tham mưu cho lãnh đạo tỉnh thực hiện nhiệm vụ quân

sự quốc phòng hàng năm. Đặc biệt năm 2014, LLVT tỉnh Đồng đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ diễn tập khu vực phòng thủ được Quân khu đánh giá cao. Bên cạnh nhiệm vụ xây dựng lực lượng chính qui, tinh nhuệ, LLVT còn tham gia công tác giải quyết chính sách hậu phương quân đội: tham gia tìm kiếm, cất bốc hài cốt liệt sỹ tại thị xã Long Khánh, huyện Nhơn Trạch; hỗ trợ giải quyết chính sách tồn đọng sau chiến tranh theo các Quyết định 290, Quyết định 142, Quyết định 62 trên địa bàn tỉnh; tích cực tham gia công tác dân vận: chương trình xây dựng nông thôn mới; xây dựng nhà tình nghĩa, làm đường, nạo vét kênh mương... Mỗi quan hệ đoàn kết quân dân ngày càng chặt chẽ góp phần giữ vững an ninh, trật tự an toàn xã hội; phục vụ hiệu quả cho nhiệm vụ phát triển – kinh tế xã hội của tỉnh.

• **Cựu chiến binh Nguyễn Hữu Nghĩa, phường Trảng Dài, Tp. Biên Hòa:** khâm phục ông Hai Cà ở tính trung thực, gan dạ và ngay thẳng

Dù chỉ cùng tham gia chiến đấu trong thời gian ngắn ngủi 2 năm (1967 - 1968) trong đội biệt động Biên Hoà nhưng ông luôn kính phục người cán bộ, chỉ huy Hai Cà vì tinh thần trung thực, ngay thẳng trong cuộc sống, công việc. Theo CCB Ba Nghĩa, “ông Cà rất nghiêm khắc trong công việc, ông nói là làm đến đâu ra đó. Trong mỗi trận đánh, để đảm bảo chắc thắng của yếu tố bất ngờ, ông đã phân công ai đi điều nghiên trận địa thì phải tuyệt đối nghiêm túc thực hiện, báo cáo không trung thực là ông biết ngay. Lí do là vì ông đã từng trực tiếp chiến đấu nên Biên Hoà ông nắm trong lòng bàn tay từng vị trí”. Dù nghiêm khắc nhưng cán bộ, chiến sỹ lại hết sức yêu mến tài năng, đức độ của Đại tá Hai Cà. Nơi nào nguy hiểm, Đại tá sẵn sàng nhận nhiệm vụ thay mọi người. “Trong sinh hoạt đời thường, anh em chúng tôi rất thích nói chuyện với ông Hai Cà vì ông ấy có nhiều thông tin của địch rất thú vị”, chú Ba Nghĩa bộc bạch cùng tôi. Nghiêm khắc là vậy nhưng sau mỗi trận đánh, Đại tá Hai Cà lại trở về với đúng bản chất chân thật của anh nông dân Nam bộ, bình dị, gần gũi, quan tâm đời sống đồng chí, đồng đội.

\* **Cựu chiến binh Ngô Xuân Đăng:** Đại tá Hai Cà thương lính như con

Sau năm 1975, CCB Ngô Xuân Đăng trở thành chiến sỹ liên lạc cho Đại tá Hai Cà tại Đoàn La Ngà. Nhắc về người lãnh đạo cũ, CCB Đăng xúc động cho biết, ông không chỉ khâm phục chú Hai Cà về tài năng đánh giặc mà còn kính phục ở ông trái tim hiếu nghĩa thương lính như con. Ông luôn là người sống có nghĩa, có tình. Trong vai trò là lãnh đạo của đơn vị, mỗi khi có người ốm vì sốt rét ông Hai Cà lại tận tình thăm hỏi, động viên. Công tác trong đơn vị hậu cần, đời sống khó khăn, áo không đủ mặc lại hay rách do phải gùi hàng, nhiều lần ông nhường luôn chế độ quần áo của mình cho cấp dưới. Mặc dù rất thương đồng chí đồng đội nhưng song hành cùng đó ông cũng vô cùng nghiêm khắc trong thực hiện nhiệm



vụ. Cấp dưới đi làm nhiệm vụ không hoàn thành, báo cáo không đúng tình hình, ông nghiêm khắc, phê bình, chấn chỉnh ngay.

**\* Ông Trần Văn Cao, con trai cả Đại tá Trần Công An:** Cha tôi đã cống hiến đời mình cho dân tộc

Cha đã tham gia kháng chiến từ ngày ông còn nhỏ nên trong ký ức của ông Trần Văn Cao về cha mình chỉ là khâm phục trước tấm lòng anh bộ đội cống hiến cả cuộc đời cho dân tộc. Vì vậy, khi lớn lên, ông Cao cũng trốn lính để tham gia kháng chiến. Vì không muốn mọi người đàm tiếu “nói ra vào” vì có bóng dáng cha làm lớn nên xin được vào đơn vị công tác dễ dàng. Ông Hai Cao tự mình phấn đấu, “nhiều lần cha tôi đi công tác qua đơn vị tôi đóng quân, vào xin cho tôi về công tác cùng ông nhưng tôi kiên quyết từ chối”. Ông Hai Cao cho biết thêm, cha mình rất nghiêm khắc, trong công tác không bao giờ vị nể tình thân, với ông luôn luôn thực hiện quân lệnh như sơn.

**\* Cô Trần Thị Dính, con gái thứ 4:** 20 tuổi mới gặp cha lần đầu tiên

Kể về cha mình, cô Dính cho biết, ông Hai Cà tham gia kháng chiến, rồi đi biên biệt. Mỗi lần ông về thăm gia đình thì cũng chỉ có mẹ cô gặp mặt mà thôi vì nói về thăm nhưng thực chất ông chỉ tạt qua điểm đóng quân gần vùng căn cứ rồi mẹ cô phải lặn lội qua thăm ông. Nên mãi đến năm 20 tuổi, cô Dính mới được gặp cha lần đầu. Cảm tình cách mạng, từ ấy cô cũng tham gia lực lượng quân y nơi tiền phương trong vùng kháng chiến. Hiện nay, thực hiện lời trăng trối của ông Hai Cà, cô Dính là người duy nhất hiện đang lưu giữ tất cả kỉ vật của ông còn lại.

## **B. Đề xuất ý kiến**

- Cần đẩy mạnh công tác giảng dạy lịch sử trong giáo dục nhà trường bằng trực quan sinh động.

Tôi từng nhớ có câu nói đại ý rằng lịch sử là tấm gương soi chiếu quá khứ, hiện tại và tương lai. Soi rọi vào quá khứ là điều cần thiết. Những bài học thất bại cũng như những yếu tố làm nên thành công trong lịch sử, tất cả đều quý báu. Mỗi chúng ta phải soi rọi vào lịch sử hào hùng của dân tộc để răn mình sống tốt hơn, xứng đáng hơn. Tuy nhiên, nhắc về quá khứ để tự hào bước tiếp chứ không phải để chìm đắm trong ánh hào quang chiến thắng. Trong chúng ta, chắc chắn ai cũng phải đặt câu hỏi cho mình Tại sao một dân tộc nhỏ bé, dám đánh thắng cả hai đế quốc sừng sỏ trong điều kiện gian khổ ngặt nghèo nhất lại mãi vẫn chưa thể vươn vai đứng dậy lớn mạnh sau gần 40 năm giành độc lập. Sức mạnh quật cường của lòng yêu nước của toàn dân tộc đã viết nên những trang sử chói lòa há chẳng lại không thể phát huy trong điều kiện hòa bình, độc lập. Hãy nhìn sang bên láng giềng, nơi đất nước họ cũng đất ít, người ít nhưng đã phát huy hiệu quả sức mạnh tổng hợp của lòng yêu nước để làm nên điều kì diệu về phát triển kinh tế. Vậy Việt Nam chúng ta thì sao? Đó vẫn là câu hỏi lớn cần được nhanh chóng giải đáp để đưa đất nước chúng ta “sánh ngang vai với các cường quốc năm châu” như Bác hằng mong mỏi.

Để giải đáp câu hỏi lớn này chỉ có cách trả lời duy nhất bằng giáo dục trong hệ thống nhà trường. Trang bị cho các em những kiến thức toàn diện về lịch ngay từ những ngày đang ngồi trên ghế nhà trường. Thế nhưng làm thế nào mỗi người thế hệ trẻ hiện nay, nhất là thế hệ 10x sau này yêu lịch sử, học lịch sử qua đó hun đúc tình yêu quê hương đất nước vẫn là vấn đề mang đầy tính thời sự nóng hổi. Bởi thực tế, chúng ta hiện nay đang chứng kiến tình trạng giới trẻ quay lưng với sử nước nhà mà bằng chứng là rất ít em có đủ bản lĩnh chọn sử làm môn thi tốt nghiệp cho mình. Thực trạng này xuất phát từ nhiều nguyên nhân sâu xa mà trong đó chính là cách người lớn dạy sử cho lớp trẻ đang có vấn đề. Chúng ta vẫn đang giảng dạy, tuyên truyền về lịch sử cho lớp trẻ theo kiểu nhồi nhét kiến thức mà không có sự chủ động sáng tạo, tham gia của người học.

Thực hiện chủ trương đổi mới toàn diện chất lượng giáo dục, các địa phương phải thực hiện lồng ghép giảng dạy kiến thức về địa phương trong chương trình giáo dục tại các nhà trường. Ngoài ra, theo qui định giảng dạy chương trình giáo dục địa phương trong nhà trường của Bộ Giáo dục và Đào tạo, khi giảng dạy, ngoài việc liên hệ với thực tiễn tại phương. Trên cơ sở chương trình giáo dục địa phương đã được thống nhất ban hành, giáo viên có thể lồng ghép vào các môn học khác

nhau hoặc tổ chức tham quan ngoại khóa, sưu tầm tài liệu, tổ chức thảo luận nhằm tạo hứng thú cho học sinh. Các trường có thể tổ chức buổi nói chuyện chuyên đề, mời chuyên gia, nhà sử học, nhà văn đến trao đổi với các em học sinh. Quy định hướng dẫn là vậy nhưng đã có mấy nơi tổ chức giảng dạy theo cách này.

Về thực trạng tổ chức giảng dạy nội dung giáo dục địa phương trong đó có lịch sử trong các trường học trên địa bàn tỉnh thời gian qua theo kết quả khảo sát ý kiến của 377 cán bộ, giáo viên tiểu học tại 75 trường đại diện trong tháng 5 năm 2009 của ngành giáo dục tỉnh: 92,8% ý kiến trả lời cho rằng cần thiết phải giảng dạy truyền thống văn hóa, lịch sử địa phương cho học sinh. Nhưng 39,7% ý kiến cho rằng kiến thức giảng dạy chỉ đủ và khá đủ, 53,3 cho rằng tạm ổn, vẫn còn 6,4% cho rằng không ổn lắm và có 0,9% là rất không ổn. Đặc biệt, có tới 36,6% ý kiến giáo viên, cán bộ quản lý đánh giá rằng chất lượng giảng dạy tạm chấp nhận, 21,8% ý kiến cho rằng chất lượng giảng dạy đang có nhiều bất cập. Nguồn thông tin cung cấp kiến thức về lịch sử, văn hóa địa phương cho giáo viên tiểu học trong khảo sát này chủ yếu là từ kênh truyền hình, sau đó mới đến thư viện, báo chí.

Theo Đề án “Xây dựng và triển khai dạy học nội dung giáo dục địa phương trong hệ thống trường học tỉnh Đồng Nai”, chất lượng giảng dạy môn lịch sử trong khối THCS, THPT đạt kết quả chưa cao là do thầy cô giáo và các em học sinh thiếu tài liệu chính thống để sử dụng, tham khảo. Nhiều giáo viên cho rằng, họ đang phải tự bơi, tự mò tìm tài liệu, vì vậy tình trạng kiêm được cái gì thì dạy cái đó [5, tr.26]. Kết quả khảo sát của Đề án sau 1 năm triển khai tại huyện Long Thành cho thấy, học sinh mong muốn các thầy cô phụ trách dạy các môn giáo dục địa phương cho các em được đi tham quan di tích lịch sử, văn hóa, hoạt động về nguồn; các nhiều sách, tài liệu về những môn học giáo dục địa phương để các em tham khảo.

Trong khổ bài viết này theo tôi, thời gian tới cần thực hiện một số những giải pháp sau:

- Tổ chức thu thập, biên soạn tài liệu đầy đủ về những cá nhân anh hùng đất Đồng Nai trong đó có Đại tá Trần Công An, về cách đánh đặc công làm tài liệu tham khảo nghiên cứu, giảng dạy... trong nhà trường, hệ thống thư viện tỉnh.

Điều này là hoàn toàn cần thiết và rất cần phải được thực hiện trong thời gian sớm nhất. Thời gian như thoi đưa, những nhân chứng lịch sử hiện nay còn sống rất ít. Chính họ mới cho câu trả lời chính xác nhất về những gì đã diễn ra trong quá khứ lịch sử dân tộc. Mặc dù hiện nay, ngành Tuyên giáo và Văn hóa tỉnh cũng đã nỗ lực trong việc xây dựng hệ thống tài liệu về giá trị văn hóa, con người

Đồng Nai. Tuy nhiên, vẫn còn chung chung, manh mún theo kiểu mỗi người, mỗi cá nhân được đề cập sơ qua một ít. Ai cũng có tên nhưng không ai có thông tin đầy đủ, đa dạng, nhiều chiều.

- Ngành Giáo dục và ngành thư viện cần phối hợp xây dựng tủ sách lịch sử trong mỗi trường học. Phục vụ cho hoạt động tuyên truyền hệ thống giá trị văn hóa, con người rộng rãi trong các trường học, thư viện địa phương. Đây là vấn đề quan trọng thứ 2 cần thực hiện. Thu thập tài liệu, xây dựng thành sách quý nhưng muốn thông tin đến được với người dân thì cần phải tạo điều kiện để thật nhiều người có cơ hội được tiếp xúc với nó.

Bản thân tôi được biết, hiện ngành Giáo dục đang phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy thực hiện Đề án đưa hệ thống giá trị truyền thống, văn hóa, lịch sử trên địa bàn tỉnh vào chương trình giáo dục địa phương ở các trường học. Hiện Đề án đã triển khai thí điểm tại huyện Long Thành. Bước đầu khảo sát cho thấy thông tin phản hồi là rất tốt. Cả người dạy và người học đều có thêm tư liệu để học tập, tìm hiểu. Tuy nhiên, nhiều ý kiến cho rằng, nguồn tư liệu vẫn chưa phong phú, dồi dào. Giáo viên và học sinh vẫn rất khó khăn khi tiếp cận nguồn sách, báo. Thiết nghĩ, nếu có tài liệu được thu thập, biên soạn đầy đủ thì cần in thành nhiều bản, đưa vào hệ thống thư viện trường học.

- Các trường học cần tổ chức các tiết học lịch sử sinh động. Tuy nhiên, học phải đi đôi với hành để tránh nhàm chán. Ngành Giáo dục nên chỉ đạo cho các trường học, khi giảng dạy chương trình giáo dục địa phương, cần phối hợp tốt hơn với hoạt động du khảo, về nguồn để khơi gợi trong các em tình yêu quê hương, đất nước. Vừa qua, Trường THPT chuyên Lương Thế Vinh đã tổ chức cho học sinh tham gia chương trình có các buổi học về phương pháp quay, dựng phim (do đạo diễn Việt Bình - Hãng phim Truyền hình TP.Hồ Chí Minh hướng dẫn) học cách báo cáo thuyết trình, tìm hiểu về lịch sử Văn miếu Trấn Biên, và đặc biệt là có 2 ngày trải nghiệm lý thú tại hồ Trị An, Khu Bảo tồn thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai, nhà dài dân tộc Choro, di tích Trung ương Cục miền Nam. Đây là chương trình do Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy và Sở GD-ĐT chỉ đạo thực hiện với mục tiêu đổi mới phương pháp dạy và học, phát triển năng lực toàn diện cho học sinh, được sơ kết báo cáo kết quả vào chiều 29-11. Bên cạnh những tín hiệu tích cực thì một kết quả khảo sát bỏ túi từ chương trình khiến chúng ta đáng phải lưu tâm đó là tổ chức khảo sát trên 100 đối tượng là học sinh của trường, từ đó cho những kết quả... khá buồn: 28% đối tượng khảo sát cho biết không muốn tìm hiểu về lịch sử, 15% cho biết không muốn đến Chiến khu Đ. Cũng qua khảo sát, các đối tượng cho biết không quan tâm đến môn Lịch sử vì không phải là... môn thi. Đề cập đến vấn đề này để chúng ta thấy rằng, việc học lịch sử không đơn giản là ghi chép lại các sự

kiện. Điều quan trọng để lớp trẻ nhớ đến lịch sử, nhớ đến những người anh hùng dân tộc chính là giúp các em hiểu hơn những điều bổ ích, lý thú khi tìm hiểu về lịch sử.

- Đối với Ban tổ chức, sau khi Hội thi kết thúc có thể thực hiện chuyển giao những bài đạt giải vào hệ thống thư viện tỉnh, trường học để làm tư liệu nghiên cứu, tham khảo sau này.

Một số hình ảnh tác giả tham quan về ông:



*Tác giả thăm gia đình Đại tá Trần Công An.*



*Bên tượng đồng của ông tại gia đình.*



Bạn bè tưởng nhớ khi ông ra đi.



Nguyên Tổng bí thư Nông Đức Mạnh thăm Đại tá Trần Công An.





*Nguyên Tổng bí thư Đỗ Mười thăm Đại tá Hai Cà*



*Nguyên Tổng bí thư Lê Khả Phiêu viếng Đại tá Trần Công An.*